

## Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được góp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tụy thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

\*\*\*

### Văn tế

*Tự điển Tiếng Việt* của Lê Văn Đức định nghĩa văn tế: văn cáo, văn chúc, tế văn đọc lúc tế một người chết để kể tính tình công đức người ấy và tỏ lòng kính trọng thương tiếc của mình. Một nghĩa nữa: bài văn tính cách khô hài viết ở trường hợp đặc biệt. Dương Quảng Hàm trong *Việt Nam văn học sử yếu* cho rằng:

Văn tế là bài văn đọc lúc tế người chết (cũng có khi để tế sống) để kể tính nết, công đức của người ấy và bày tỏ tấm lòng kính trọng và thương tiếc của mình.

Một bài văn tế thường có các phần: lung khởi (cảm tưởng khái quát về người chết); thích thực (hồi tưởng công đức của người chết); ai vãn (than tiếc người chết); kết (nêu lên ý nghĩa và lời mời của người đứng tế đối với linh hồn người chết).

(Trần Minh Thương - Thể loại văn tế)

### Quốc mẫu

Báo giới hiện nay ở trong nước gọi Hùng Vương là *Quốc tổ*. Nhưng lại gọi Âu Cơ mẹ Hùng Vương đầu tiên là *Quốc mẫu*.

Mẹ lại sinh ra được ông nội à ?

(Cao Tự Thanh)

### Sự khác nhau giữa Hà Nội và Sài Gòn

Con gái

Con gái Hà Nội, da trắng, nói năng nhỏ nhẹ, gọi người yêu là anh yêu. Khi bạn đã yêu thì khó bỏ!

Con gái Sài Gòn da rám nắng, nói năng ngọt ngào, gọi người yêu là ông xã. Khó tán nếu muốn yêu!

### Chó

Nên lưu ý là về chó, vốn từ vựng tiếng Việt rất dồi dào: ngoài chó, còn có khuyển, cẩu và cún. Không những dồi dào mà còn chi li: chó có nhiều loại khác nhau. Người ta phân biệt chó theo lông: chó mực, chó cò, chó phèn, chó luốc, chó mốc, chó đốm, chó vện, chó vá, chó xù, chó bông, chó mắt trê, chó lòi, chó khoang, v.v... Phân biệt theo giống: chó tây, chó xi, chó ta, chó cồ, chó sói, chó ngao, v.v... Phân biệt theo chức năng: chó cảnh, chó săn...

Sự phân biệt chi li đến độ người ta để ý và đặt tên chó trong một số thời kỳ nhất định. Ví dụ thời kỳ chúng rượn, chó đực được gọi là chó thág báy; chó cái được gọi là chó hoa vòng.

Chó điên có ba tên gọi khác nhau: chó điên, chó dại và chó ngộ (nhớ thơ Hoàng Cầm, trong bài “Bên kia sông Đuống”: “Chó ngộ một đàn / Lưỡi dài lê sắc máu...”)

Còn chó chết thì biến thành một... thứ con khác. Thành cây, chẳng hạn. Nguyên thủy, chúng ta biết, cây là tên của một giống chồn vừa ngọt thịt vừa thơm tho. Ở đây rõ ràng là một sự mạo danh. Người ta còn nói lái chữ “cây tơ” lại thành “cờ tây”. Cũng chưa đủ. Người ta lại nói lái chữ con cây thành “cây còn” và dịch ra chữ Hán để có một từ Hán Việt giả cây là... mộc tồn! Cũng vẫn chưa đủ. Người ta còn gọi thịt cây là thịt nai. Đó là chưa kể có lúc người ta còn dùng cả tiếng Tàu nữa: hương nhục.

Như vậy, tổng cộng, lúc sống, chó có bốn tên: chó, khuyển, cẩu và cún; chết đi, chó lại có thêm sáu cái tên khác: cây, cờ tây, mộc tồn, nai tơ, nai đồng quê và hương nhục.

(Nguyễn Hưng Quốc - Tiếng Việt: Cọp và Chó)

## Đí gì

Đí gì : cái gì  
(gọi mày là đí gì – chẳng có đĩ gì)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## 5 Cửa Ô

Trước thế kỷ 20, cửa ngõ vào Hà Nội có 16 cửa ô. Họ chỉ giữ 5 cửa ô có trạm gác, hào chông bao bọc là ô Chợ Dừa, Đống Mác, Cầu Rền, Cầu Giấy, Quan Chưởng. Nay chỉ còn Quan Chưởng.



## 7 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Anh chị em cần bút trong Nam thì chắc là số người thân với ông tất phải nhiều hơn, nhưng tôi không thấy cần đông dài. Chỉ xin chú ý đến những nhà văn các miền ngoài, nhất là ngoài Bắc. Ở đó, cái biết về các hoạt động văn học trên phần đất Nam Kỳ cũ rất là sơ sài. Theo sự phác giác của Nguyễn Văn Trung gần đây, bộ môn tiểu thuyết xuất hiện ở trong nam sớm hơn ngoài Bắc chừng ba, bốn chục năm. Vũ Ngọc Phan không hề biết; ông nói về Nguyễn Bá Học, Phạm Duy Tốn...như những người đi tiên phong, mà không kể đến những Lê Hoàng Mưu, Nguyễn Chánh Sắc, Trương Duy Toàn, Trần Chánh Chiêu v.v.. Sau lớp tiên phong, đến lớp nhà văn tiền chiến các cây bút trong Nam cũng không được chú ý bao nhiêu. Trong bộ *Nhà văn hiện đại* có 79 tác giả, gốc Nam Kỳ cũ được 4 người. (Ở hai quyển 4 và 5, nói về các bộ môn sáng tác, thì không có người Nam nào). Trong *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh và Hoài Chân có 46 tác giả, người Nam chỉ được một cặp ông bà Song Hồ. Sau 1945, miền Bắc chỉ quan tâm đến những cây bút đã gia nhập vào hàng ngũ chính trị của họ. Thành thử sự kết giao của các tên tuổi Bắc Trung vừa kể với Bình-nguyên Lộc là trường hợp hiếm.

(Bình Nguyên Lộc: Một nhân sĩ trong làng văn – Khởi Hành)

## Kẻ

Người Việt cổ sống nhờ nông nghiệp, săn bắn. Rồi đưa sản phẩm đến một mảnh đất có người ở để trao đổi, tiếng Hán gọi là “Kỳ”.

Sau gọi là *Kẻ*, có nghĩa là *làng*. Như Kẻ Mọc (làng Mọc), Kẻ Noi (làng Cổ Nhuế), Kẻ Mơ (làng Hoàng Mai, Bạch Mai).

Từ “kẻ” thường chỉ dùng trong ngôn ngữ dân gian, khi đặt tên các làng này thường được phiên âm bằng từ Hán: Cổ, Khả .

Như Cổ Loa: Kẻ Lũ, Cổ Bôn: Kẻ Bôn, Kẻ Giày (là Phủ Giày ở Nam Định) - Khả Lao: Kẻ Lao. Từ *kẻ* được mở rộng phạm vi, dùng để chỉ một địa bàn rộng hơn. Như: Kẻ Quảng (tỉnh Quảng Nam), Kẻ Vinh (thành phố Vinh).

Sau này có tiền tệ, “kẻ” trở thành nơi mua bán, và dần dà được gọi là “*Chợ*”. Cuối thời Trần, Thăng Long đã được sử sách chép với tên “Kẻ Chợ” để phân biệt với Kẻ Sặt, Kẻ Noi ở vùng quê...

## Đất lề quê thói

Ruồi sa, rắn đón: Đang ăn có ruồi sa vào bát là có bồng lộc. Gặp rắn bò ngược chiều và gặp ta là xấu. Vì bị...rắn cắn.

(Người Việt đất Việt – Toan Ánh)

## Biểu tượng tín ngưỡng phồn thực của người Việt xưa



Người Việt hàng nghìn năm lịch sử đã duy trì tín ngưỡng phồn thực, thờ cơ quan sinh dục và hành vi giao phối.

Nhà mồ của người dân tộc Bana ở Việt Nam có hàng rào được trang trí bằng những bức tượng gỗ thể hiện các hình ảnh tượng trưng cho khả năng sinh sản của con người. Những bức tượng này thể hiện ý niệm, cái chết là một sự bắt đầu mới, người chết sẽ được phi thai thành người khác.



Hình tượng Linga (sinh thực khí nam) và Yoni (sinh thực khí nữ) là một vật thờ linh thiêng của người Chăm.

Linga và Yoni có thể đứng riêng, nhưng cũng có khi chồng lên nhau, biểu thị cho tính âm - dương kết hợp, tạo ra sự hủy diệt và tái sinh của vũ trụ.



Trên nắp thạp đồng niên đại 500 năm TCN tìm thấy ở Đào Thịnh (Yên Bái), xung quanh hình mặt trời với các tia sáng là tượng 4 đôi nam nữ đang giao hợp được thể hiện rất sinh động.

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Trăm năm trong cõi người ta.  
Ai ai cũng phải thở ra hít vào.  
Trăm năm trong cõi người nào.  
Ai ai cũng phải thở vào hít ra.

## 8 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Ngoài ra, Bình-nguyên Lộc còn được Nhất Linh chọn mời cộng tác vào tờ tạp chí ông chủ trương ở Sài Gòn sau Genève. Năm 1952, mới từ Hương Cảng về Sài Gòn, Nhất Linh đã nhắn Bình-nguyên Lộc đến gặp mình tại nhà trọ bấy giờ ở đường Lê Văn Duyệt (Phòng vấn của Lê Phương Chi, *Tin sách* số 32, 1965).

Người ta để ý thấy Nhất Linh mời Bình-nguyên Lộc cộng tác làm báo, nhưng Nhất Linh không đề cử Bình-nguyên Lộc vào Tự Lực văn đoàn, không đưa sách ông vào các nhà xuất bản Phương Giang, Đời Nay, như đối với một số nhà văn khác lúc bấy giờ (Nhật Tiến, Linh Bảo, Nguyễn Thị Vinh, Duy Lam...). Tại sao vậy? Một cách đánh giá chăng? Chúng ta không có căn cứ đầy đủ để ước đoán. Hãy bằng lòng với một ghi nhận, một “để ý” vậy thôi.

(Bình Nguyên Lộc: Một nhân sĩ trong làng văn – Khởi Hành)

## Đánh bóng

Đánh bóng : đánh bạn, họp bạn



Con đĩ đánh bóng  
(tranh Orger)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Văn tự

Thoạt kỳ thủy chữ dựa trên hình sự vật gọi là “*văn*”. Sau thêm âm gọi là “*tự*”.

Từ đó “*hình*” và “*âm*” nương nhau để nhiều chữ và viết trên thẻ tre, trên vỏ cây gọi là “*thư*”.

(Trần Bích San – Văn Khảo)

## Chợ

Hà Nội có 12 chợ lớn: chợ cửa Đông (Đông Xuân), cửa Nam, chợ Huyện, Đình Ngang, Bà Đá, Văn Cũ, Ong Nước, chợ Mới, Đông Thành, Yên Thọ và Yên Thái (Bưởi).

Chợ Đông Xuân lớn nhất, ở ngay khu phố cổ, được lập vào năm 1804 và được Pháp tu bổ năm 1890. Lúc đầu có 5 vòm cửa và 5 nhà cầu dài 52m cao 19m, nay chỉ còn 3.

## Viếng người thợ rèn

*Nhà cửa để làm than, con thợ đại lấy ai rèn cặp ?*

*Cơ đồ đàn ông bỏ bê, vợ trẻ trung lắm kẻ để rơi.*

Tương truyền cụ Nguyễn Khuyến viếng một người thợ rèn bên láng giềng chết trẻ, để lại vợ trẻ con thơ. Và trong hai vế đối này, nhà thơ đã dùng những tiếng: *than, rèn, cặp, bê, để, rơi* ...là những dụng cụ cần thiết trong nghề thợ rèn

## Sự khác nhau giữa Hà Nội và Sài Gòn

Tỏ tình

Khi bạn nói với một cô gái: “Thế em có yêu anh không?”

Con gái Hà Nội: “Nếu nói không thì sao?”

Con gái Sài Gòn: “Tại sao lại không nhỉ!”

## Giai thoại làng văn

Đọc hồi ký của Tô Hoài ta cũng thấy có cái đặc biệt. Tác giả viết như tiểu thuyết, xáo trộn thời gian, không cần ngày tháng.

Cuốn *Cát Bụi Chân Ai?* của ông được nhiều người khen là khá, trung thực, can đảm nhưng khi viết về vụ Nhân Văn Giai Phẩm ông chỉ nói phớt qua tới các bạn văn của ông nhưng tránh né không nói tới số năm khổ nhục trong tù mà họ đã trải qua.

Trong lúc xã giao gặp nhau ở sở làm, đám tiệc tùng người ta tay bắt mặt mừng, văn hoa, lịch thiệp. Nhưng khi hoạn nạn, nghèo túng hay tù đầy con người mới lộ chân tướng của mình. Với nhà văn Tô Hoài thì không thế mà lộ ngay cả khi chiến thắng, lúc hòa bình. Cái đoạn mà Tô Hoài viết về Phan Nhật Nam, nhà văn Việt Nam Cộng Hòa đối nghịch với ông cũng đáng được kể lại.

Phan Nhật Nam theo phái đoàn Việt Nam Cộng Hòa ra Bắc chứng kiến cuộc trao trả tù binh Mỹ; khi trở lại Sài Gòn nói rằng lúc tới sân bay ngoài Bắc ông không thấy một nhà văn miền Bắc nào có mặt. Tô Hoài trả lời trong *Cát Bụi Chân Ai?* như sau:

“...Rõ hồ đồ, Nguyễn Tuân và ông đây từ sáng sớm đã uống bia Trúc Bạch trong quây nhìn ra đám tù binh giặc lái áo xanh lá cối, cổ đeo tràng hạt gộc tre, sắp hàng chui vào bụng máy bay. Và xem máy ngọc nguyệt lên xuống, giờ máy ảnh...”.

Trong văn chương nếu có đã kích nhau thì cũng dùng những câu nhã nhặn, nếu cần thì chua cay mặn chát thôi, đều tỏ ra là con người có văn hóa (theo lối nói của Hà Nội) mà ít khi xách mé, hằn học. Đằng này Tô Hoài đã không còn bình tĩnh khi tự tôn xưng mình là ông và gọi đồng nghiệp bằng mày khi cùng Nguyễn Tuân lên lút nấp ở phía trong như hai kẻ gian phi rình dập.

Con người cộng sản Tô Hoài dù có viết đi, viết lại cũng không còn giữ được bình tĩnh nữa, chân tướng cũng lộ ra. Còn đâu cái văn phong duyên dáng của những *Đế Mèn Phiêu Lưu Ký, O Chuột, Quê Người* của một thời xa xưa.

(Đặng Trần Huân - Không có xe nằm nhà đọc hồi ký)

## Địa danh xưa

*Phố Tràng Thi*: hay Trường Thi nằm ở bắc của trường thi Thăng Long, nơi đây xưa kia là thi Hương ba năm một kỳ.

Thư Viện Trung Ương bây giờ chính là địa điểm của Nhà Thập Đạo, nơi các sĩ tử trong các kỳ thi đến xin dấu nhật trung và nộp quyển.

(Từ phố Tràng Thi đi ra phố Kim Mã tới Ô Cầu Giấy nằm trên quốc lộ 1 để lên Sơn Tây).

## Con sống mống mang

Sống là tiếng cổ từ đời Lý và có hai nghĩa:  
Giống đực: gà trống hay gà sống.

Người cha: con sống mống mang là con làm điều ngang trái, cha chịu trách nhiệm.

(Bút Chì – Hiểu đúng thành ngữ, tục ngữ, điển tích)

## Địa danh xưa



Phố Tràng Tiền – 1915  
(tên cũ: Paul bert)

*Phố Tràng Tiền* : nếu so với 36 phố phường Hà Nội thì mới chỉ có từ thời nhà Nguyễn. Nhà Nguyễn lập phố Tràng tiền để đúc tiền kẽm, tiền đồng phục vụ cho triều đình. Ngoài phố Hàng Đàn làm võng kiệu, long đình cho triều đình xưa, còn có những phố chuyên phục vụ cho quan lại như phố Mã Vĩ bán mũ áo cho các quan chức và phường chèo; phố Hàng Bài làm hài cho các bà lớn và những người đồng cốt; phố Hàng Bạc bán đồ trang sức;...

## Mười bốn năm tròn hết số thì thôi

Từ thế kỷ thứ 17 đến đầu thế kỷ thứ 19, suốt 200 năm là một chuỗi biến cố đẫm máu. Hết cuộc chiến tranh Trịnh Nguyễn, đến cuộc tương tranh Nguyễn – Tây Sơn. Từ lúc anh em Tây Sơn khởi nghĩa, vua Quang Trung lập nên một triều đại huy hoàng, nhưng khá ngắn ngủi:



Vua Quang Trung

*Đầu cha lấy làm đuôi con  
Mười bốn năm tròn hết số thì thôi*

Tương truyền đây là một câu sấm ứng vào việc triều Tây Sơn mất nghiệp sau 14 năm. Chữ “tiểu” ở trên đầu chữ Quang, (Quang Trung) và ở chân chữ Cảnh (Cảnh Thịnh).

Một câu ca dao khác, cũng cùng ý nghĩa:

*Cha nhỏ đầu con nhỏ chân*

*Đến năm Nhâm Tuất (1802) thì thân chẳng còn*

(Ca dao lịch sử - Phương Nghi)

## Gà, bò

Về gà, bò, vốn từ vựng tiếng Việt rất dồi dào. Không những dồi dào mà còn chi li: gà, bò có nhiều loại khác nhau. Ví dụ:

Gà ác (còn gọi là gà ri), gà ấp, gà cồ, gà cồ, gà chọi, gà chuối, gà dao, gà độ, gà gô (còn gọi là đa đa), gà giò, gà hoa, gà hoa mơ, gà kiến, gà lôi (còn gọi là gà tây), gà mái ghe (hay gà mái tơ), gà nòi, gà nỏ, gà ô, gà pha, gà phèn, gà sao, gà tàu, gà tre, gà xước, gà mã lửa, gà kim tiền, gà quế, gà sống, gà tồ, gà xiêm (?), v.v..

Bò cũng thế, tuy không nhiều bằng: bê, bò dái (còn gọi là bò mộng), bò tơ, bò sữa, bò rừng (bò tót), bò u, bò vá, bò vang, v.v...

(Nguyễn Hưng Quốc - Tiếng Việt: Cọp và Chó)

## Kiến văn tiểu lục – Lê Quý Đôn II

“Đa ngôn đa bại - Đa sự đa lự”

(nói nhiều thất bại nhiều, nhiều sự thì lo nhiều)

## Xóm Khâm Thiên

Khâm Thiên trước kia là những xóm nhỏ chung quanh vài ao rau muống, lác đác mấy chòm nhà tranh. Thời đó Ba Voi làm thầu khoán, lấy đất ruộng chùa Thanh Nhàn, dựng lên những nhà hát. Đất từ bi của Phật ấy, mọc lên thứ lầu xanh của những chủ cô đầu. Đất ấy thuộc về đất Hoàn Long, tỉnh Hà Đông. Tổng đốc Hoàng Trọng Phu muốn tỉnh mình nổi danh bèn khuyến khích lập một nơi chốn ăn chơi của tỉnh Đơ mình, ngay sát nách Hà Nội.

Các chủ cô đầu thấy đất mới là nơi “đắc địa” xô nhau về mở nhà hát y hệt nhà của quan lại thời bấy giờ. Giữa nhà phải có tử cánh cho cong, sập chân quỳ, bình phong hay bộ lư đồng vàng chóa. Trên những miếng đất của hồ ao mới vật lên những cái tên nhà hát của họ như cô Đốc Sao, Chu Thị Bốn, v...v... Những năm mất mùa đói kém, Đốc Sao cho người mua về những em nhỏ mười một, mười hai dạy cho đàn hát, nhảy đầm. Những cô Tẹo, cái Tý này chẳng mấy lúc mà lớn phồng lên, biết đọc *Tổ Tâm*, hay *Tuyết Hồng lệ sử* và không còn bao giờ biết mình là gốc gác ở Phủ Khoái, hay Hải Hậu, Duyên Hà nữa. Một ngày “quả chín”, Đốc Sao bắt phải ra tiếp khách. Anh tri huyện, hay anh nghị viên nào phải chi hàng trăm châu hát rồi Đốc Sao mới cho con em của mình bán cái trình tiết của đời con gái mình cho khách.

Những căn gác cô đầu chính lại là nơi hò hẹn của lái buôn từ Lao Kay về, từ Hải Phòng lên, xong giá cả của một tiếng hàng là hai bên ngả bàn đèn, hút và uống thâu canh. Khâm Thiên rất nhiều ngõ, như ngõ Văn Chương, Trại Khách, Nam Thái, Sơn Nam, hay ngõ... *Thổ Quan*. Đến nay ta vẫn gặp những cái ngõ cũ mà gốc gác của tên gọi đánh dấu cả một thời.

## Đất lè quê thói

So tuổi

Trước khi đôi trẻ lấy nhau, bố mẹ so tuổi xem có hợp nhau không. Sau đây là tuổi hợp nhau được gọi là tam hợp:

Hợi, Mão, Mùi

Thân, Tý, Thìn

Dần, Ngọ, Tuất

Tỵ, Dậu, Sửu

(Người Việt đất Việt – Toan Ánh)

## Tình phộc ngoài rừng Trám

“Linh tinh tình phộc” là một tên gọi của lễ hội Nỗ Nường tại làng Trám (Tứ Xã - Lâm Thao - Phú Thọ). Theo phong tục ngoài rừng trám các đôi trai gái và dân làng, cũng thực hiện lễ thức “tình phộc”: Người đàn ông cầm linh vật biểu tượng cho nam tính (nỗ) lấy đà chọi vào biểu tượng cho phái nữ (nường) ba lần chính xác, tạo nên những tiếng “phộc” chắc khoẻ. Mọi người ai nấy đều hân hoan ra mặt bởi một năm mới hứa hẹn đầy may mắn.



Cô nào có chửa trong dịp đó là lễ “hèm” của làng thành công, đem lại điều may mắn cả năm cho gia đình và làng. Làng sẽ đứng ra lo liệu tổ chức lễ cưới cho họ và không phải nộp khoản tiền “cheo”. Đứa con sinh ra trong dịp “lễ mật” này là của quý, vật cưng của gia đình và toàn phường. Ngoài ra, cô gái có chửa ấy, nếu từ chối lấy anh gặp tối qua, mà muốn lấy một anh khác thì dân làng cũng vận động người con trai đó và anh ta cũng rất vui vẻ tự nguyện. Đồng thời những bà mà có chửa trong đêm đó thì gia đình càng phấn khởi với câu châm ngôn: Cá ao ai về ao ta, ta được. Hay lời hát của phường hề pha trò trong đêm hội:

Ước gì em hoá ra trâu

Anh hoá ra chạc xô nhau cả ngày

Ước gì em hoá lười cày

Anh hoá thành bắp bắp ngay bây giờ

## Độc

Độc : bàn độc, bàn thờ

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đình Văn Thiện)

## 9 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Một hôm, Bùi Giáng đi ra đường Tự Do xin tiền. Ông thấy con mụ Liên Sô đứng đang ngắm nghía đồ đạc mặc cái áo để hở cái ngực ra một chút, cặp vú của nó to quá! Thế là ông tiến ngay lại, tự nhiên lấy tay bóp cặp nhũ hoa của bà ta. Con mụ Liên Sô bị ông làm bất thành linh nó hoảng sợ ú ớ kêu. Chồng mụ đi cạnh thấy ông đang bóp vú vợ nó, nó sững sờ và nói gì với ông. Mọi người thấy ông rất bình tĩnh trả lời nó bằng tiếng Anh. Sau khi tên Liên Sô nghe ông nói, nó không còn sững sờ nữa mà còn cười và bắt tay ông. Xong xuôi nó kéo vợ đi ngay.

Mọi người chứng kiến cảnh đó đều ngạc nhiên. Thật kỳ lạ là ông già chỉ có nói vài câu thôi mà tên Liên Sô chẳng những không nổi giận vì hành động của ông mà còn bắt tay ông vui vẻ, họ thấy bu lại hỏi ông.

- Thưa cụ, cụ nói gì mà tên Liên Sô đó nó cười và bắt tay cụ vậy?

Ông trả lời:

- Nó hỏi tôi là mày làm cái gì thế? Tôi mới trả lời là tao thấy cái vú vợ mày bự quá, nên tao sờ và bóp thử xem đàn bà Liên Sô có đủ sữa nuôi dân tao không? Tôi nói có vậy thôi, thế là nó vui vẻ bắt tay tôi và đi luôn.

(Giai thoại nhà thơ điên Bùi Giáng - Trịnh Hưng)



## Ngõ Thổ Quan

Ngoài ngõ Thổ Quan lại có ngõ... *Quan Thổ* - 3 ngõ Quan Thổ đánh số 1 đến 3. Quan Thổ là Quan Trạm gộp với... Thổ Quan!

Một loạt những ngõ quanh một khu đất phía nam Văn Miếu đều được mang chữ Văn như nhắc nhở về một quá khứ ảnh hưởng sâu đậm của Nho học trên vùng ven kinh thành này: Văn Chương, Văn Hương, Huy Văn... thêm vào đó còn có Lương Sứ (gộp từ Lương Sứ và Ngự Sứ, cũng là Nho).

(Nguyễn Trương Quý - Ngoằn ngoèo như ngõ)

## Khác biệt giữa Hà Nội và Sài Gòn

Sinh viên và cave

Hà Nội: Nhiều em cave trông như sinh viên.

Sài Gòn: Nhiều em sinh viên trông như cave.

## Vua còn, vua mất, vua thua chạy dài

Thời Pháp xâm lược nước ta, người dân không khỏi buồn lòng nhìn thế sự rối rắm: “Đêm đêm chớp bể mưa nguồn, hỏi người quân tử có buồn chăng ai?”. Nhất là cảnh quốc phá gia vong với một triều đại suy tàn:

*Một nhà sinh dựng ba vua*

*Vua còn (Đồng Khánh) vua mất (Kiến Phúc) vua thua chạy dài (Hàm Nghi)*



Hàm Nghi

Tuy thua chạy dài, nhưng vua Hàm Nghi với sự phù trợ của Tôn Thất Thuyết và các trung thần, nghĩa sĩ đã phát hịch kêu gọi nhân dân hưởng ứng chống Pháp, khởi xướng phong trào Cần Vương ở khắp nơi lúc bấy giờ có câu dân gian: “Gắm xem thế sự thêm rầu, ở giữa Đồng Khánh, hai đầu Hàm Nghi”, Ở giữa, tức là kinh đô Huế, hai đầu là Nghệ Tĩnh và Nam Ngãi, nơi phát triển phong trào Cần Vương.

(Ca dao lịch sử - Phương Nghi)

## Làng trong phố

Thời đại Phạm Đình Hổ, kinh đô Thăng Long vài vạn dân (4 chục ngàn), là một cái thành, vài chục phố phường và làng mạc bao bọc chung quanh. Vua quan sống trong tử cấm thành và hoàng thành, làng mạc chung quanh lập thành làng, phố, phường buôn bán được gọi là Kê Chợ. Trong đó có làng Yên Thái (còn gọi là Làng Bưởi), làng Kê Noi (làng Cổ Nhuế), làng Kê Mộc (làng Mộc), Kê Mơ (làng Hoàng Mai, Bạch Mai)..

Có một thời được gọi là “làng trong phố”.

Hay nói đúng ra Hà Nội hình thành từ những làng quê, ngày nay, hình như dấu ấn “làng” ấy hiện rõ nét nơi phố nhỏ, nơi ngõ ngang ngõ dọc uốn lượn, quanh co, ngoằn ngoèo như đường làng trong lòng một Hà Nội ngày nay.

## Độn

Độn : người thấp nhỏ, lùn cùn

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## 10 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Một hôm khác, ông lang thang ở khu vực chợ trời nơi bán đồ phụ tùng xe máy. Ông dừng chân lại và ngắm xem hàng hóa. Lúc đó ông trông thấy gian hàng đang treo lủng lẳng cái ghi đông ngoài đường. Ông lấy xuống xem. Ông ngắm đi ngắm lại và thản nhiên cắp vào nách đi luôn.

Ông đi được một đoạn khá xa thì mục chủ phát hiện ra ông đã lấy mất cái ghi đông, thế là mục chủ la lối om sòm, kêu người đuổi bắt ông già ăn cắp. Mục chủ và con cái vừa chạy vừa la, ông biết nhưng ông vẫn thản nhiên đi. Khi ông biết họ đã đến gần, ông bỗng nhiên quay lại và chia cái ghi đông ra trả lại, tay ông cầm cái ghi đông, miệng thì cười và thản nhiên nói:

- Gớm! Mới mất có một cái ghi đông chả đáng bao nhiêu tiền, thế mà cả nhà, cả họ chạy đuổi theo và la làng la xóm ồm ồm cả lên. Thế mà nước mắt mấy năm nay rồi không thấy ai la được một tiếng, cứ êm re à!

Nói xong ông thủng thỉnh bước đi...

(Giai thoại nhà thơ điên Bùi Giáng - Trịnh Hưng)

## Chữ quốc ngữ

Cho đến bây giờ, chúng ta chưa tìm biết được ai là tác giả đã đặt tên cho thứ chữ ghi âm theo mẫu tự La tinh là...“chữ quốc ngữ”.

Thực ra đây là một trường hợp sử dụng từ sai lầm vì “quốc” là nước, “ngữ” là “tiếng”. “Quốc ngữ” là tiếng nói của một nước.

Như thế khi ta dùng từ ngữ “chữ quốc ngữ” để chỉ *chữ viết của nước ta* là sai hoàn toàn bởi làm lộn giữa “văn tự” và tiếng nói (ngôn ngữ). Trong *Việt Nam Văn học sử yếu*, Dương Quảng Hàm đã nêu vấn đề trên, nhưng theo ông thì “Từ ngữ này mọi người đã quen dùng rồi không đổi được nữa”.

(Trần Bích San – Văn Khảo)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Con mèo mà trèo cây cau  
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà?  
Chú chuột đi chợ đường xa  
Em là cô chuột, vào nhà đi anh

## Làng Cổ Nhuế

Năm Đinh Mão niên hiệu Thuận Thiên (1027), người con trai thứ năm của vua Lý Thái Tổ là Đông Chinh Vương trên đường đem quân đi đánh giặc ở châu Văn Lang (nay thuộc tỉnh Lạng Sơn) qua làng Noi, được dân làng ra tiếp đón và hậu đãi. Trước khi Vương rời làng ra trận, các cụ trong làng hỏi xin nếu Vương không may hy sinh nơi trận tiền thì cho được lập đền thờ. Vương ưng thuận. Sau khi Vương mất, dân làng theo lời dặn, dựng đền thờ Vương rồi bỏ làng Noi cũ, chuyển đến sinh sống ở khu vực đền thờ. Đây là Cổ Nhuế (tên Nôm là Kẻ Noi).



Gánh phân ở làng Cổ Nhuế

Từ thời nào không rõ, dân làng có tập quán gánh thùng đi các nơi, nhất là vào nội thành Hà Nội (xe thùng) lấy phân bắc về ủ cho hoai để bón ruộng, nên lúa và hoa màu ở đây rất tốt. Xưa có câu “Đào Nhật Tân, phân Cổ Nhuế” là nói về nghề này.

Khi vua Lê Thánh Tông vi hành qua đây thăm miếu Thành hoàng có thờ quang gánh và đôi đũa cả để gắp phân. Vua đã ban câu đối cho làng Cổ Nhuế:

Khoác tấm áo bào, giang tay gánh vác thiên hạ  
Vung ba thước kiếm, tận thu lòng dạ thế gian

Nguyên văn chữ Hán:

Thân trụ nhất nhung y, năng đảm thế gian đa năng sự  
Thủ trì tam xích kiếm, tận thu thiên hạ trí nhân tâm

### Sự khác nhau giữa Hà Nội và Sài Gòn

Hình thức

Ở Hà Nội, bạn có thể đứng giữa ngã tư tấp nập người qua để nói chuyện điện thoại “cho cả thế giới biết bạn là ai”!

Đến Sài Gòn, bạn hãy dắt xe lên vỉa hè nói chuyện nếu không muốn chiếc điện thoại của bạn... “cuốn theo chiều gió”!

(Cao Tự Thanh)

### Nâu sòng

Màu nhuộm bằng củ nâu (màu nâu) và lá sòng (màu đen).

Nghĩa bóng những người, đã phát tâm tu niệm, rời bỏ tất cả những xa hoa phù phiếm.

Trong *Truyện Kiều* có câu:

*Nâu sòng* từ bến màu thiên, sân thu trắng đã vài phen đứng đầu.

### Địa danh xưa

- *Thọ Xương* : là một huyện của thành Thăng Long xưa. Vào thời Lê sơ (Mậu Thân 1428 – Đinh Hợi 1527), Thọ Xương có tên là huyện Vĩnh Xương, đến thời nhà Mạc (Đinh Hợi 1527- Nhâm Thìn 1593) đổi tên là Thọ Xương. Ngày 1 tháng 10 năm 1888 (Đinh Hợi), vua Đồng Khánh ra đạo dụ nhượng hẳn thành Hà Nội cho Pháp, sau đó huyện Thọ Xương đã bị bãi bỏ. Hiện nay, Thọ Xương chỉ còn là tên một ngõ nhỏ (ngõ Thọ xương) thuộc phường Hàng Trống, quận Hoàn Kiếm.

- *Yên Thái*: là địa danh nói về Làng Yên Thái (còn gọi là Làng Bưởi) ở bờ nam Hồ Tây, Hà Nội. Tên cổ là An Thái

### Chữ nghĩa làng văn

Có nhiều nguồn cho rằng câu đối dưới đây của Cao Bá Quát :

Thập tải luân giao cầu cổ kiếm

Nhất sinh đề thủ bách mai hoa

(Mười năm lặn lội tìm cây kiếm cổ  
Một đời chỉ biết lạy hoa mai)

Theo các tài liệu thì đôi câu đối trên có xuất xứ như sau : Theo “Như Thanh Nhật ký” năm Mậu Thìn (1868) vua Tự Đức cử đoàn sứ bộ sang triều cống nhà Mãn Thanh : cầm đầu là chánh sứ Lê Tuấn (đỗ Hoàng Giáp năm 1853); phó sứ là Nguyễn Tử Giản (Hoàng Giáp năm 1884); phó sứ thứ 2 là cử nhân Hoàng Tịnh. Sứ bộ Việt Nam được viên tri phủ Hán Dương là Ngải Tuấn Mỹ đón tiếp và tặng đôi câu đối cho phó sứ Nguyễn Tử Giản :  
”Thập tải luân giao cầu cổ kiếm - Nhất sinh đề thủ bái mai hoa “.

Sự kiện trên được chép trong “Yên thiều bút lục” của Nguyễn Tử Giản (1823-1890). Câu đối “... bái mai hoa” của Ngải Tuấn Mỹ tặng Nguyễn Tử Giản là vào năm 1868, trước đó 14 năm, Cao Bá Quát đã hy sinh trong cuộc khởi nghĩa Mỹ Lương (Giáp Dần 1854)... phải chăng người đời do quá yêu Cao Chu Thần nên cứ thích tương truyền câu “nhất sinh đề thủ bái mai hoa” là của ông như một giai thoại để đời ?

(Nguồn Nguyễn Khôi)

### **Địa danh xưa**

*Thái Hà* : ở Hàng Giấy có xóm Đào nương, còn gọi là xóm Bình Khang, có trước xóm Khâm Thiên.

*Khâm Thiên* : xóm cô đầu Ngã Tư Sở.

(Vũ Ngọc Phan – Hồi ký những năm tháng ấy)

### **Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã**

Ăn mặc: Không ăn gì cả mà chỉ có mặc không thôi.

(Nguồn: từ sổ tay của một người Mỹ học tiếng Việt)

### **Cư dân Hà Nội**

- Thời Lý khoảng 15,000 người.
- Thời Lý Trần có lúc lên tới 40,000 người.
- Thời vua Lê chúa Trịnh vì Thăng Long bị lụt lội và cháy nên còn khoảng 20000 người.
- Thời Phạm Đình Hổ nhà Nguyễn 40,000 người.
- Năm 1950, Hà Nội có khoảng 300,000.
- Năm 2000, Hà Nội dân số lên đến trên 3 triệu.

### **Văn miếu, văn chỉ**

Nơi thờ phụng Khổng Tử thường gọi là văn miếu (ở huyện) và văn chỉ (ở tổng).

Riêng tại kinh đô được gọi là Quốc tử giám vì là trường dạy học cho vương tôn công tử.

(Nguyễn Ngọc Phách – Chữ Nho & đời sống mới)

## Phố Kỳ Lừa



Phố Kỳ Lừa

Đứng trước các di tích đã được truyền tụng lâu nay, tôi (Trần Công Nhung) chợt thắc mắc: “**Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa,...**”

Thực tế Đồng Đăng là một huyện lỵ sát biên giới phía Bắc, xa Lạng Sơn trên 10km, cách Ải Nam Quan chừng 3km. *Phố Kỳ Lừa* nằm ngay thị xã Lạng Sơn, bên kia *sông Kỳ Cùng*.

Như thế câu ca dao trên đúng chăng? Có người cho biết chợ Lạng Sơn có cái cầu nhỏ gọi là cầu Kỳ Lừa. Có thể mấy câu trên có từ thuở Lạng Sơn và Đồng Đăng là một?



Đồng Đăng

(Trần Công Nhung – Về thăm Lạng Sơn)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Cờ bạc là bác thằng...ăn trộm.

## Ái quan

Quý Môn Quan là một địa điểm hiểm trở, nhỏ hẹp trong Ải Chi Lăng. Ngạn ngữ Trung Hoa có câu: “Quý Môn Quan, Quý Môn Quan! Thập nhân khứ, nhất nhân hoàn”.

(Nguồn: Vương Sinh)

## Tiếng Việt, dễ mà khó

Còn số còn thay đổi được, huống gì những từ khác. Như từ "không", chẳng hạn. Phủ định điều gì, người ta có thể nói "không", mà cũng có thể nói "hông", nói "khổng", nói "hổng". Xuất hiện trong câu nghi vấn, chữ "không" ấy có thể có thêm một biến âm khác là "hôn": "nghe hôn?".

Chưa hết. Một số âm vị trong cụm "nghe hôn" ấy bị nuốt đi; "nghe hôn" biến thành "nghen", rồi đến lượt nó, "nghen" lại biến thành "nghén" hay bị rút gọn lần nữa, thành "nhen", rồi "hen", rồi "hén", rồi "nhe", v..v...

(Nguyễn Hưng Quốc - e-cadao.com)

## Câu đối dân gian

Ba nhà sư ngồi ở chính điện tụng kinh gõ mõ. Bỗng thấy bốn cô thôn nữ đội gạo lên chùa, bèn bỏ cả kinh kệ mà ỡn ờ trên ghẹo:

**Tứ nữ đồng hành, tung hoành bát khẩu**

Tức thì một trong bốn cô đối đáp:  
Tam nam đồng tọa, thượng hạ lục đầu

## 11 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Nhưng buổi sáng này...

Tôi chẳng nhớ lúc ấy tâm trạng mình ra sao, đạp xe trên những con đường qua thị trấn. Tới nhà ga, quẹo vào. Quẹo xe, liền nhớ một câu thơ Viên Linh: *À xe ta quẹo lối này*. Vào nhà ga, tức thời nhớ hai câu thơ Bùi Giáng: *Môi cười ở cuối sân ga / Phố là cổ quận nay là tiền nhau*. Thi ca thần diệu thật, tôi vừa nhớ tới Bùi Giáng thì tôi nghe tiếng hét, ông Bùi Giáng kêu tên tôi: Dã quỳ đại ca! Ông Bùi Giáng xách bị tới nhà ga Thủ Đức. Ông Bùi Giáng lúc nào cũng mang theo cái bị, nó là cái bao tải bần thiu, tôi chưa từng hỏi ông đựng những gì trong đó, ông cũng chưa từng tiết lộ mình đựng những gì trong đó. Có một lần tôi biết trong cái bao tải có chó con, không biết là mấy con, nghe tiếng chúng kêu, rên âm ỹ. Tôi hỏi ông, có mấy con trong cái bao, ông nói quên chưa đếm, cũng may sau đó ông không trút ra để đếm. Lần này ông Bùi Giáng tiết lộ: “Có một bao thuốc lá Điện Biên trong bị đây, đại ca cùng trầm ga bán lại cho hàng thuốc lá nào đó, lấy tiền uống rượu.”

Ông Bùi Giáng đi bộ, vai mang cái bị. Tôi cũng đi bộ, tay dắt cái xe đạp, nó cũ kỹ xộc xệch, không chờ đợi được. Chúng tôi đi mời chào ga bán bao thuốc lá Điện Biên cùng khắp dọc đường từ Thủ Đức về Bình Triệu chẳng ai mua. Ông Bùi Giáng bảo: “Đại ca chớ buồn, mà phải vui. Không ai mua thuốc lá Điện Biên, vì đây là thuốc lá Việt cộng, dân chúng tẩy chay thuốc lá Việt cộng.” Ông Bùi Giáng cùng ngồi xuống với tôi, trên lề đường, phía ngoài nhà ga Bình Triệu, chắc hẳn đôi chân ông cũng rã mỗi như đôi chân tôi. Ấy tuy nhiên, sau lưng hai người là một nhà ga, cuối sân ga có nụ cười.

(Buổi sáng Thị Ngạn Am - Nguyễn Đạt)

## Sông Thương

*Sông Thương* – Một con sông ở bên Tàu (có thể là sông Tương ở Động Đình Hồ?). Khi bị trích ở Thương giang, Đỗ Phủ có câu thơ rằng “Nhất ngọa Thương giang kinh tuế vãn”.

Ở Bắc kỳ gần biên giới Tàu, cũng có một con sông tên gọi là sông Thương chảy vào sông Thái Bình. Nghĩa là nằm đầu liệt ở Thương giang, năm cùng tháng tận rồi mà chưa về nhà.

Và ca dao ta có câu:

*Ai lên xứ Lạng cùng anh*

....

*Đêm nằm mơ tưởng đi mò sông Thương*

Hàm ý mộng ở Lạng Sơn, mơ tưởng đi dò sông Thương về với người thân.

(Phan Mạnh Danh – Thập ngũ san)

## Ái quan

Pha Lũy hay Bắc ải là tên ải Nam Quan do người Việt gọi, ở thị trấn Đồng Đăng, phía bắc tỉnh Lạng Sơn. Người Trung Hoa vẫn gọi là trấn Nam Quan. Năm 1953, Mao Trạch Đông đổi là “Mục Nam Quan” và sau này có tên là “Hữu Nghị Quan” hay “Cửa Khẩu Hữu Nghị” (Vị trí cây số 0 ngày nay lùi sâu vào nội địa Việt Nam, khác với vị trí cũ). ải Pha Lũy là nơi phòng ngự biên cương, chống sự xâm nhập của giặc Hán từ phương bắc.

(Nguồn: Vương Sinh)

## Địa danh miền Bắc trong văn học sử

### Phú Thọ

Phú Thọ được coi là vùng đất tổ cội nguồn của Việt Nam. Tương truyền tại nơi đây các vua Hùng đã dựng nước nên nhà nước Văn Lang - nhà nước đầu tiên của Việt Nam, với kinh đô là Phong Châu, tức xung quanh thành phố Việt Trì ngày nay.

Thời An Dương Vương, Phú Thọ thuộc Mê Linh, Phong Châu.

Thời nhà Lý, nhà Trần, quận, huyện thời Bắc thuộc được thay thế bằng các đạo (lộ, trấn, xứ, tỉnh), dưới đạo là các phủ, châu, huyện. Phú Thọ thuộc lộ Tam Giang.

Năm Minh Mạng thứ 12 (1831), đổi tất cả các trấn trong nước là tỉnh: Tỉnh Phú Thọ.

Khi đó tỉnh Phú Thọ gồm có 2 phủ lớn là Đoan Hùng và Lâm Thao. Phú Thọ có 3 con sông lớn chảy qua: sông Hồng, đoạn từ Lao Cai đến Việt Trì được gọi là sông Thao, sông Lô và sông Đà, chúng hợp lại với nhau ở thành phố Việt Trì.

### Đờ

Đờ : sờ mó  
(đờ tay đến)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### 12 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Đã có rất nhiều giai thoại, huyền thoại về ông; vô số được thể gian tô bồi sau này, khó minh xác thực hư. Xin lại vài chuyện tiêu biểu.

Chuyện thứ nhất. Xưa kia ở Quảng Nam, quê chúng tôi, người ta kể rằng khi còn trẻ Bùi Giáng đã có vợ. Vợ sớm qua đời. Hôm tắm liệm, ông nhờ người hàng xóm làm thịt 21 con gà. Ông thành tâm bỏ thịt con gà còn sống vào quan tài tắm liệm người vợ thân yêu. Họ hàng thấy quái. Bèn can ngăn. Ông bảo: "Vợ tôi ưa ăn thịt gà, nay có thể lên thiên đường hoặc xuống địa phủ chi đó, thịt gà đâu ăn".

Câu chuyện trên là hoàn toàn khó tin. Bịa đặt, phao tin đồn nhảm, gia đình người ta kiện cho. Nhưng cái tuyệt hảo ở đây là người đời đã rất đổi yêu ông, giai thoại trên như một phóng họa phần nào những quái ảnh kỳ tâm nơi một Bùi Giáng lắm điều xem ra bất khả tư nghị.

(Bùi Giáng, những giai thoại tiêu biểu – Cung Tích Biền)

### Đôi mách

Đôi mách : nói xấu, đưa chuyện  
(ngồi lê đôi mách  
Người hỏi *đôi mách* giả mặt thật hay)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### "Nõn nường" hay "nõn nà"?

Rất nhiều từ diễn hiện nay đã giải thích nghĩa của từ "nõn nường" tương đương với "nõn nà" Nhưng bản chất của "nõn-nường" (cũng nói "nõ-nường") là gì?

Tục truyền rằng ở làng La (Hà Đông), vào ngày rã đám, dân làng tổ chức một ngày rước rất long trọng rồi đến một giờ nhất định tắt đèn đi để cho ông già, bà cả và thanh niên, thiếu nữ thả cửa sờ soạng nhau. Hồi gần đây, những làng như Miếu Trò (Phú Thọ) và Di Hậu (Hưng

Hóa) giữ tục “rước cái nơm nường” trong những ngày tết cũng là nằm ở trong tinh thần khuyến khích đoàn kết, cầu nguyện cho sinh sản tăng gia, phồn thịnh.



Nơm là bộ phận sinh dục của đàn ông, nường là bộ phận sinh dục của đàn bà.



Trong cuộc lễ, dân làng để nơm và nường làm bằng gỗ lên kiệu rước, có nam đồng quan và nữ đồng quan đi giật lụi trước kiệu vừa đi vừa hát “Ba mươi sáu cái nơm nường; Cái để đầu giường, cái để đầu tay.” Cuối cùng, các vị chủ tế tung nơm nường lên trên trời, trai gái đổ xô ra cướp, gái mà được cái nơm, trai mà được cái nường thì may mắn vô cùng và nếu có sự gì trục trặc hay không tổ chức được buổi rước vì nguyên nhân gì đó thì cả làng lo sợ vì có nhiều phần chắc chắn là năm ấy không may mắn.

### Chữ nghĩa làng văn

*Chợ búa*: chợ búa đều chỉ nơi họp chợ mua bán nhưng ngày trước có phân biệt nghĩa.

*Chợ* là nơi có lều quán, họp theo phiên (có chợ họp mỗi tháng 6 phiên hoặc 12 phiên).

*Búa* thường họp trên một đám đất rộng, không có lều quán, không có phiên liếp che.

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Đặt tay vào chỗ thường quen đặt  
Quen đặt hầu như nghiệm mỗi ngày  
Quen đặt mà lòng không ngớt sóng  
Đặt tay mỗi bận mỗi chơi vơi  
(Mai Thảo)

### Chữ Hán

Chữ Hán, chữ Nho hay chữ Tàu là một. Nước Tàu gồm năm giống dân Hán, Mãn, Mông, Tạng và Hồi hợp thành.

Riêng giống Hán mạnh và thông minh đã đồng hóa bốn sắc dân kia và dùng thứ chữ của họ làm quốc tự. Triều đại nhà Hán (202 TTL – 220 STL) là triều đại huy hoàng, do đó người Tàu rất tự hào và họ xưng là “*Hán tộc*”, chữ viết gọi là “*chữ Hán*”.

(Trần Bích San – Văn Khảo)

### Hội Nơm Nường

Ở miếu Trò Trám gần Đền Hùng, Phú Thọ thờ vật *sinh linh thực khí* và *Lễ hội nơm nường*



Dân làng ngợi ca *cái hèm*: *Nõ* to và dài như cái giăng xay. *Nường* rộng và sâu như cối xay lúa.  
Ngày 12 tháng giêng âm lịch *Lễ hội nõ nường* trai gái đối đáp nhau tại miếu thờ:  
Gặp đây anh mới hỏi nàng  
Cái gì lũng lảng một gang trong quần  
Chàng đỏ thì thiếp thưa rằng  
Cái đeo lũng lảng là giăng cối xay

\*\*\*

Ước gì em hóa ra trâu  
Anh hóa ra chạc xô nhau cả ngày  
Ước gì em hóa lười cày  
Anh hóa thành bắp lép ngay bây giờ

Đó là biểu tượng của ngày lễ hội nõ nường, không còn quan niệm “dâm” và “tục” nữa.

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Tục ngữ: Không phải những lời thô tục mà những lời hay ý đẹp.

(Nguồn: từ sổ tay của một người Mỹ học tiếng Việt)

### Kiến văn tiểu lục – Lê Quý Đôn III

*“Đạo ngô ác giả thị ngô sư - Đạo ngô mỹ giả thị ngô tặc”*  
(ai chê ta là thầy ta, ai khen ta là kẻ thù ta)

### Địa danh miền Bắc trong văn học sử

#### Phủ Lý

Dưới thời Lê vào khoảng năm 1624, Thượng thư Nguyễn Khải đã cho chuyển thủ phủ Trấn Sơn Nam từ thôn Tường Lân huyện Duy Tiên phủ Lý Nhân đến đóng ở thôn Châu Cầu thuộc tổng Phù Đạm, huyện Kim Bảng, phủ “Lý Nhân”, Trấn Sơn Nam Thượng.

Đến năm 1832, vua Minh Mạng năm thứ 12 bỏ “trấn” thành “tỉnh”, phủ “Lý Nhân” được đổi là phủ Lý Nhân thuộc tỉnh Hà Nội.

Đến tháng 10 năm 1890 (đời vua Thành Thái năm thứ 2) tỉnh Hà Nam được thành lập từ “các huyện của Hà Nội và Nam Định”.

Tên tỉnh Hà Nam ra đời từ *chữ Hà của Hà Nội* và *chữ Nam của Nam Định* ghép lại và Phủ Lý trở thành tỉnh lỵ của tỉnh.

### Địa danh miền Bắc trong văn học sử

#### Thái Bình

Vùng đất tỉnh Thái Bình ngày nay, vào thời Bắc thuộc trước thế kỷ 10, thuộc hương Đa Cương (vùng đất từ sông Luộc ra đến biển) của quận Giao Chỉ. Tới nhà Hậu Lê, thời vua Lê Thánh Tông về sau vùng đất Thái Bình ngày nay thuộc Trấn Sơn Nam.

Đến cuối thời nhà Lê Trung hưng sang đầu nhà Nguyễn, vùng này thuộc Trấn Sơn Nam Hạ. Năm 1832, vua Minh Mạng năm thứ 12 cắt hai phủ Thái Bình, Kiến Xương nhập vào tỉnh Nam Định, nhập phủ Tiên Hưng vào tỉnh Hưng Yên.

Tỉnh Thái Bình được thành lập vào năm thứ hai niên hiệu Thành Thái (1890), từ hai phủ Kiến Xương và Thái Bình của tỉnh Nam Định và lấy thêm huyện Thần Khê của phủ Tiên Hưng thuộc tỉnh Hưng Yên. Huyện Thần Khê lúc đó được nhập vào phủ Thái Bình, sau đó phủ này được đổi tên thành Thái Ninh. Đến năm 1894, hai huyện Hưng Nhân và Duyên Hà, phần còn

lại của phủ Tiên Hưng cũng được nhập về tỉnh Thái Bình từ Hưng Yên, và phủ Tiên Hưng được tái lập trực thuộc tỉnh Thái Bình.

Sau đó, các phủ bị loại bỏ, các huyện có sở lý phủ thì đổi theo tên của phủ kiêm quản trước đó: Thanh Quan thành Thái Ninh, Trực Định thành Kiến Xương, Thần Khê thành Tiên Hưng.

### Chữ nghĩa làng văn

Những từ có vần *"ut"* thường diễn tả *"sự chuyển động từ không gian này đến không gian khác"*.

Thí dụ: đút, rút, hút, mút, sút, trút, tụt, vút, cút, v.v...

Nếu chúng ta chịu khó quan sát, tìm hiểu, chúng ta sẽ phát hiện những chữ tuy rất quen thuộc chúng ta sử dụng hàng ngày lại ẩn giấu những quy luật bí ẩn lũng nhưng không kém phần thú vị

(Nguyễn Hưng Quốc - Tiếng Việt dễ mà khó)

### Từ điển văn học bộ mới

Phát hành đầu năm 2005, là tái bản của Từ Điển cùng tên, ra đời trước đây 20 năm và có nhiều thay đổi cái nhìn mới, và cái mới nghiêm túc. Như những tác giả trước kia bị loại trừ, nay xuất hiện. Các tác giả dính líu đến vụ án Nhân Văn Giai Phẩm hầu hết đều có mặt, nhưng không có Thụy An, Phùng Cung.

Về những tác giả được khôi phục phải kể Phan Khôi được giới thiệu đầy đủ, súc tích, ngay cả giai đoạn Nhân văn Giai phẩm : " chủ nhiệm báo Nhân Văn, rồi các bài viết (...), vẫn với ngòi bút sắc sảo, rắn rỏi sẵn có nhưng ông đi ngược dòng đường lối văn nghệ của Đảng Lao Động Việt Nam lúc ấy, nên đã bị báo chí đương thời phê phán cùng với sự phê phán nhóm Nhân văn Giai phẩm nói chung ".

Người chấp bút danh mục này là Văn Tâm (1933-2004) cũng đã bị liên lụy trong vụ án Nhân văn Giai phẩm và bị treo bút trong nhiều năm.

(Đặng Tiến – Chimviet.free.fr)

### Cửa thiền

Cửa thiền: nhà chùa.

Thiền là yên lặng. Nhà Phật lấy thanh tịnh làm gốc nên mọi sự về Phật đều gọi là thiền.

### Chúng ta mất hết cả rồi sao?

Một trong 12 bài di cao của Vũ Hoàng Chương đã được bà Đinh Thị Thục Oanh (vợ VHC) đính chính vào ngày 17 tháng 7 năm 1999. Chữ *in nghiêng* là đúng nguyên tác của tác giả.

Sáng chưa sáng hẳn tối chưa đành  
Gà lợn om sòm cả bức tranh  
Rằng *vách* có tai thơ có họa  
Biết lòng ai đỏ mắt ai xanh

Dấu hỏi xoay quanh *tron kiếp người*  
Sên bò *nát* óc máu thấm rơi  
Chiều nay một dấu than buông dứt  
Đanh đóng vào xăng tiếng *trả lời*

Chúng ta mất hết cả rồi sao ?  
Cả đến âm thanh một thuở nào !

Da trống tơ đàn ôi trúc phách  
Đều khổ như khúc hát gầy hao

Đàn mang tiếng *đáy* mà không đáy  
Mất hết rồi sao sợi nhớ thương  
Tay phách từ lâu nay *lạc* phách  
Không còn đặng mãi bến Tầm Dương.

(Thế Phong – Chiêu niệm bốn nhà văn Sài Gòn)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Cho chừa mèo má gà đồng  
Tau đá một phát lòi tròng nghe con

### Chữ và nghĩa

"Cường điệu", từ dùng sau 1975, cả ở trong nước lẫn ngoài nước. Để dịch từ "*hyperbole*" trong tiếng Anh.

Nó đồng nghĩa với "phóng đại", "thậm xưng". Biện pháp tu từ "phóng đại", vì thế, còn được gọi là "cường điệu", và "ngoa dụ". Ngoài ra, nó còn được gọi là "nói quá" ("*overstatement*"), ngược lại với biện pháp "nói giảm" ("*understatement*") ở trên.

(Bùi Vĩnh Phú – Trên những đường bay của chữ)

### Câu đối Tết



Cùng với chữ Hán, nhiều danh sĩ nước ta còn viết câu đối Tết bằng chữ Nôm. Đầu thế kỷ 20, Nguyễn Khuyến (1835-1909) đã sử dụng tài tình chữ viết của dân tộc, đưa cả ca dao, tục ngữ, thành ngữ vào câu đối. Trong 67 câu đối hiện còn của cụ thì 47 câu đối Nôm. Đây là cảnh Tết của một nhà nghèo mà lòng vẫn phơi phới sắc xuân khi giao thừa sắp đến:

*Chiều ba mươi, nợ hỏi tít mù, co chân đạp thẳng bàn ra cửa  
Sáng mồng một, rượu say túy lúy, giơ tay bồng ông Phúc vào nhà.*

Theo Dương Quảng Hàm thì câu đối này của Nguyễn Công Trứ...



(Trích từ Văn Hóa Việt)

## Ý tại ngôn ngoại

Còn có ý ở ngoài lời nói, khiến cho người tự hiểu lấy.  
Lời nói bao hàm nhiều ý nghĩa sâu xa.

### 13 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Thời của thu vàng một loáng hóa rùng phong hoang hồng, xao xác đến muôn trùng số mệnh con người hoa cỏ. Tôi có dịp lai rai sống với Bùi Trung Niên Thi Sĩ. Thưở ấy đói kinh. Người người tăng gia, nhà nhà sản xuất. Cuộc đào cả lè đường hè phố, vườn biệt thự, trồng luống khoai hàng sắn. Cày xới nát bộ não vì cái ăn, cái Đi – Ở. Tâm linh màu chì.

Một hôm chúng tôi đang đi long nhong gần nhà thờ Ba Chuông kiếm vài chung quốc lủi, Bùi Giáng bỗng nói: nè cha, ta về nhà chút đã. Tôi hỏi về mần chi. Ông bảo cho heo gà ăn chớ không tụi nó chết. Hóa ra thi sĩ cũng tăng gia sản xuất. Về nhà – trong hẻm, gần cổng xe lửa số 6 – đã thấy ngay trước hàng hiên có mấy con... heo đất, mấy con vịt nhựa – loại được khoét một đường rãnh trên lưng, để bỏ tiền tiết kiệm. Chúng được đặt trong rọ, hoặc úp bằng những cái rổ đàng hoàng, như heo gà thật. Bên con heo đất hãy còn mấy cọng rau tươi, nơi gà vịt nhựa có dăm hạt gạo vung vãi. Hỏi. Một người bà con nói nhỏ với tôi: “Phải chăm sóc cẩn thận, ảnh về thấy heo gà không có thức ăn ảnh khóc”.

Giai thoại này là hiển thị cuộc hí lộng đã dắt díu thi sĩ chơi với đồ nhựa vô tri. Ký gởi sự sống trên những “con-vật-không-có-sống-không-có-chết”, là lúc ông xấn tới tột đỉnh đất trời đồ lộn nguyên khê. Ông tỉnh táo trong một trạng thái đặc biệt của người điên. Ông sắp xếp cái Điên theo cách người tỉnh. Cái điên phần nào giúp ông siêu thoát.

(Bùi Giáng, những giai thoại tiêu biểu – Cung Tích Biền)

### Ngọng ngẹo trong ngôn ngữ

Chúng ta gặp nhiều nhà thơ với chứng thác loạn ngôn ngữ, như thất điều ngữ pháp (dysgrammatisme) hay loạn phối hợp từ (dysphasie) như Bùi Giáng trong bài *Hán hương u hương* :

Âm u ô úc ôn tù niệm  
Yém ó ư uyên uyển tội từ

Thất điều ngữ pháp là dùng chữ vô nghĩa, những cặp chữ nói lái, bố trí từ hỗn loạn, không liên quan đến ngữ nghĩa, bất tuân cú pháp, bất chấp ngữ phạm.

(Trần Văn Tích – báo Sài Gòn Nhỏ)

### Tục chen

Tục lệ này được tổ chức tại làng Nga Hoàng, huyện Võ Giàng tỉnh Bắc Ninh. Hàng năm tục này được tổ chức tế hai vị Thành hoàng rất long trọng; sau đó thì tiến hành lễ rước hai vị thần từ miếu thờ đi chung quanh làng và sau cùng đưa về đình làng để hội tế. Sau khi tế lễ và ăn uống xong thì hội "chen" bắt đầu. Vị tiên chỉ trong làng là người điều hành hội chen. Những người tham dự theo từng cặp, đa số là nam nữ thanh tân; nhưng những ông già, bà cả cũng có thể tham dự buổi lễ chen này. Trong khi chen thì bên nam bắt đầu tấn công trước, từng đôi một chen nhau ôm lấy nhau và sờ soạng nhau, bất chấp cả lễ nghi, tôn giáo. Họ có thể làm bất cứ hành động gì mà không sợ phải bị vạ.

Đến ngày thứ nhì thì bên nữ tấn công trước và những hành động của họ cũng không hề e dè. Họ đưa nhau ra tận ngoài những cánh đồng hoang để chen nhau cho đến khi mệt như thì cùng nhau trò chuyện, tâm tình.

Vì quan niệm hội chen là hành động tôn giáo cho nên ai nấy đều tham dự. Trong buổi lễ cuối cùng thì hội chen tổ chức ngay tại sân đình làng. Sau khi hoàn tất buổi lễ, thì đèn được đều được tắt hết và cuộc chen nhau bắt đầu với những thái độ sôi sảng, táo bạo do từ hai bên, trước sự chứng kiến của cha mẹ họ khuyến khích thêm. Vì cho rằng những năm không tổ chức hội chen, dân làng nghèo đói, khổ khổ cho nên ngày trước hội chen tổ chức rất chu đáo và những đôi nam nữ tham dự được chuẩn bị từ trước; sau đó họ thường đi đến hôn nhân.

(Hội tết làng Xưa – Khuyết danh)

## Đuợn

Đuợn : dài thẳng tuột  
(lưng đuợn đuợn)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Giai thoại làng văn

Số phận của bản thân Thanh Tịnh buồn thật buồn nên ông hay nói chuyện vui, nói đùa. Có lẽ chính vì đời buồn quá nên ông phải cố cười cho quên đi. Ngồi với ông hôm ấy ở 4 Lý Nam Đế, ông kể tôi nghe nhiều chuyện vui. Tôi còn nhớ hai chuyện như sau:

Trong tập *Những người thích đùa* có một truyện không được dịch: “*Có một anh muốn tự tử, dùng nhiều cách mà không chết được, vì mua phải toàn đồ rôm: dao rôm, thuốc độc rôm, giấy thừng thắt cổ rôm. Có người mách cho một cách chết ngay, chết chắc chắn:*  
- *Đọc báo Nhân dân liền ba ngày.*”

Chuyện khác:

Ở khu phố ông người ta bắt được thằng chuyên ăn cắp xe đạp.

Họ bắt nó biểu diễn mở các thứ khoá. Các loại khoá ngoại tốt nhất nó đều mở được hết.

Họ hỏi nó:

“*Khoá nào mà thấy khó mở nhất, không mở được?*”

Nó nói:

“*Khoá Việt Nam. Vì xe khoá rồi vẫn đứng nhìn. Mà chính chủ nó cũng không mở được. Phải đổ mạnh xe mấy cái mới mở được.*”

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

## Chữ Nho

Chữ “*Nho*” do chữ “*nhân*” (người) ghép với chữ “*nhu*” (cần dùng) có nghĩa là *loại người cần dùng cho xã hội*.

Chữ *nhu* còn có nghĩa là chờ đợi  
(người giỏi chờ lúc ra giúp đời)

(Trần Bích San – Văn Khảo)

## Buôn tảo bán tần

Tảo, tần là tên hai loại rau mọc ở dưới nước, ven bờ khe suối. Trong bài thơ “Thái tần” có câu:

Vu dĩ Thái Tần,  
Nam gián chi tần  
Vu bỉ Thái Tảo  
Vu bỉ hàng lạo

Nghĩa là: Đi hái rau Tần, bên bờ khe phía nam, đi hái rau Tảo, bên lạch nước kia. Theo cách

chú giải thì câu thơ trên ca ngợi người vợ hiền dâu thảo, chăm hái rau Tần, rau Tảo về làm cỗ cúng tổ tiên. Trong văn hóa Trung Quốc, Tảo, Tần tượng trưng cho đức tính siêng năng, chịu khó, hay làm của người phụ nữ. Thành ngữ "buôn tảo bán tần" đã có trong Kinh Thi.

Ở Việt Nam, ý biểu trưng của tảo, tần cũng được sử dụng nhiều trong văn học cổ. Chẳng hạn:  
Sớm khuya chăm việc tảo tần  
Thờ cha kính mẹ đôi lần chẳng sai  
(Phạm Tải - Ngọc Hoa)

Sau này, "Buôn tảo bán tần" được hiểu với nghĩa rộng hơn chỉ đức tính đảm đang việc nhà của người phụ nữ:  
Cô Hai buôn tảo bán tần  
Cô Ba đòi nợ chỗ gần chỗ xa  
(Ca dao)

## Đụt

Đụt : trú ngụ  
(*đụt mưa đụt nắng*, đụt vào: núp vào  
hui đụt vào ma nương nhờ)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Ngôn sử

Khi vừa tốt nghiệp cử nhân văn khoa thì miền Nam thay đổi chế độ, hấn mở một quán cà phê nhỏ để sống qua ngày. Thì giờ rảnh rỗi hấn nghiên cứu về một môn học mà hấn gọi là môn "ngôn sử".

Hấn nói ngôn sử tiếng Pháp philologie, tôi chẳng hiểu gì cả. Hấn giải thích đó là môn học nghiên cứu lịch sử, cấu trúc và cách tạo thành của ngôn ngữ. Tôi vẫn mù tịt. Hấn bảo tôi :  
- Bôn ba không qua thời vận. Mày xông xáo như thế mà cuối cùng lại chẳng ra gì so với tao. Chính mày hơi bị nhỏ đấy. Chúng nó ăn hối lộ và buôn lậu, nhiều tiền bản quá phải mua nhà đất để tẩy, sau khi được *tiền lùi* vài trăm cây.

-Tiền lùi ?

- Đó cũng là một từ mới nữa. "*Lùi*" có nghĩa là tiền mà kẻ được lịch sự bớt cho, còn gọi là tiền lại quả, cũng một tiếng thời thượng mới. Nó được năm trăm cây nhưng lùi cho một trăm cây.

(Lượm lặt của thiên hạ - Web: bacdau.wordpress.com)

## Đơm

Đơm ; dâng cúng  
(*đơm ma tế quỷ* – đơm ông bà ông vải  
Đơm quải: cúng tổ, *cúng quỷ đơm ma*)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Giai thoại làng văn xóm chữ

Cho hay công nợ âu là thế.  
Mà vẫn phong lưu suốt cả đời.  
Tiền bạc phó cho *con mụ* kiếm...



Trong bài thơ Tự cười mình, Tú Xương đã “tự thú” về mình như thế. Con mẹ ở đây là người vợ tảo tần của Tú Xương. Ông bà Tú sinh hạ được 5 người con. Trước một bà vợ đảm lược, gia - đình ở phố Hàng Nâu ấy, bà còn nâng giấc chăm sóc ông Tú với tấm tình chan chứa đức hy sinh nên ông đã viết hẳn một bài thơ:

Thương vợ:

Quanh năm buôn bán ở mom sông,  
Nuôi đủ năm con với một chồng.  
Lặn lội thân cò khi quãng vắng,  
Eo sèo mặt nước buổi đò đông.  
Một duyên hai nợ âu đành phận,  
Năm nắng mười mưa dám quản công.  
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,  
Có chồng hờ hững cũng như không.

### Hành lạc từ

Tội gì ngàn năm lo  
Có chó cứ làm thịt  
Có rượu cứ nghiêng bầu  
Được thua trên đời chưa dễ biết  
(Nguyễn Du - bản dịch của cụ Lê Thước)

### Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Hút thuốc không phải là ngẫu  
Hút thuốc là để đi...câu đố hỏi

### Tửu phùng tri kỷ, thiên bôi thiểu

Khổng Tử đang dạy học trò, bỗng thấy người hơi oải, liền đứng dậy bước ra hòn non bộ. Ngó vào nơi xa vắng, mà tự nhủ lấy thân:

Tửu phùng tri kỷ thiên bôi thiểu,  
Thoại bất đầu cơ bán cú đa.

Uống rượu mà gặp được người hiểu mình, thì dẫu nốc cả ngàn chung, cũng chẳng ăn thua gì hết cả. Còn trò chuyện mà gặp người tầm phào ba láp, thì dẫu nói nửa câu, cũng giống như chưa nói gì đó vậy. Ta, bởi mang tiếng là hiền sĩ. Chuyên nói chuyện nghĩa nhân, nên... thiên bôi thiểu chưa bao giờ có dạng. Thiệt là đáng tiếc!

Rồi một hôm, Khổng Tử đang uống rượu cần. Chợt có đứa trẻ ngồi ở lưng trâu tà tà qua trước ngõ. Mở miệng hát vang:

Thương lang chi thủy thanh hề,  
Khả dĩ trạc ngã anh.  
Thương lang chi thủy trạc hề  
Khả dĩ trạc ngã túc.  
Thương lang chi thủy nửa trạc nửa thanh

Túc túc anh anh cái gì cũng đặng.

Khổng Tử bỗng biến đổi sắc mặt và nói:

- Chân lý cuộc đời. Sao thằng này lại biết?

Rồi nghếch mặt ra mà suy nghĩ. Lúc ấy, có Mạnh tử đang hầu rượu gần bên, bắt chợt thấy da mặt của thầy đang chuyển dần qua tái. Sợ hãi nói rằng:

- Lời của đũa trẻ chặn trâu. Hà có chi thầy phải ưu tư nhiều đến thế?

Khổng Tử như còn ở trong mơ, nên chẳng buồn đáp lại. Đã vậy còn thì thào tự nhủ lấy thân:

- Nước sông Thương lang nếu mà trong, thì ta dùng để giặt giải mũ. Nước sông Thương lang nếu mà đục, thì ta dùng để rửa chân. Còn nước sông Thương lang nửa đục nửa trong, thì giặt mũ rửa chân cái gì chơi cũng được...

## Chuyện chớp

Bước chân ra đi, nó khóc mãi...khóc mãi...

## Giai thoại làng văn

Xuân Diệu là người rất chu đáo, thiết thực, tiết kiệm đến tỉ mỉ, chi tiết. Những lần tôi đến anh vào buổi chiều, mãi nói chuyện đến gần tối, anh thường giục tôi về, vì đường thì xa, đi lại nguy hiểm. Anh nói: "*Có thể ở nhà vợ lo bị cướp xe đạp ấy chứ!*".

Có lần trời nắng, đi qua nhà anh, tôi tạt vào mượn cái mũ. Anh cho mượn cái mũ lá đã cũ, vậy mà vẫn dặn phải giữ cẩn thận, khi nào ra Hà Nội trả lại anh.

Có lần đang ngồi với anh, thấy có người nhà đem sách báo cũ ra bán cho hàng đồng nát. Anh gọi với theo: "*Này, những cái bì sách các tông đẹp, nhớ lấy lại mà dùng*". Thấy anh có u già giúp việc, tôi tưởng mọi việc chợ búa, bếp núc, anh chẳng phải quan tâm. Vậy mà không phải. Anh tỏ ra rất thạo giá cả thực phẩm ngoài chợ, giá trứng, giá thịt. Có lần tôi đã được nghe anh tính toán rất tỉ mỉ:

*"Ba quả trứng gà 33 đồng, 2 quả trứng vịt lộn giờ 18 đồng một quả, nhân 2 là 36 đồng, bỏ hơn 3 quả trứng gà chứ, 3 lạng thịt bò nhiều hơn 3 lạng thịt lợn, vì thịt bò nhẹ hơn. Nhưng 3 lạng thịt bò có bỏ hơn 2 quả trứng vịt lộn không thì chưa rõ. Nhưng cũng phải đổi món chứ... Còn thịt chó thì thịt lẫn xương 4 đồng rưỡi một lạng, thịt nạm 6 đồng một lạng..."*.

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

## Giã

Giã ; từ biệt, chia tay  
(giã nhà đeo bức chiến bào)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Chữ nghĩa trên mạng

Đọc được lời nói chuyện của hai tuổi "teen" trên net tuyển bạn gái:

\* bác này hôm qua uống ghê quá...

\* ghê đâu mà ghê, mình uống tạm tạm thôi, ngày thường mình uống hai chai Tiger là xin rồi...chắc hôm wa bà nhập nên uốc dc (được) nhiều hơn một tí.

\* tới giờ cái lười còn cay nè.

\* hihhi...đang đuối như trái chuối đây, bây h (h=hour=giờ) mới tỉnh dc (được)

\* còn 2 ngày t7 cn (thứ bảy, chủ nhật) gặp nhau ok nha.



## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Thương em chẳng dám vô nhà,  
Thập-thò ngoài ngõ hỏi gà bán không?

## 14 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Ba năm trước Nhà văn Nguyên Vũ về thăm. Chúng tôi ngồi ở quán Phú Chiêm, đường Trần Bình Trọng Bình Thạnh, một quán rất đông khách vì các món đặc sản Quảng Nam. Hôm ấy có Nhà thơ Vương Tân [Hồ Nam]. Chúng tôi uống cũng quá nhiều. Nhưng lúc chia tay, Long bảo mình muốn về nhà Biền. Tôi bảo về nhà, sẵn rượu, nốc thêm nữa có mà toi. Nào ngờ lần ấy là lần cuối cùng Long đến thăm nhà tôi.

Uống dữ. Chiều tối, thay vì chờ Long về nhà Long, tôi tưng tưng, phở phèo nó dữ dội, không cho phép ngưng đưa rượu chảy vào cần cổ. Thế là tôi tức tốc chờ Long ngược lại quán Phú Chiêm. Mần tiếp đọt ba. Hai cái thân bệnh hoạn chứa máu liều.

Hai thằng uống miên man, tới hơn mười giờ khuya Long bỗng nhiên ngã một cái rầm xuống đất, nằm bất tỉnh. Cái mặt vừa gầy ốm, vừa đen queo như da con ếch chiên giòn. Anh Trần Hữu Phú chủ quán nói: “Các thầy ông nào cũng già cũng bệnh hoạn mà uống kiểu này thì chôn không kịp. Đắt nghĩa địa buổi này giá trên mây.” Phú rất tốt bụng, anh chở Nguyễn Thụy Long về tận nhà. Tôi ngã xiêu ngã tắt hộ tổng. Nào ngờ đây là lần cuối hai đứa tôi cụng ly, từ 10 giờ sáng tới hơn 10 giờ đêm.

Uổng quá, không còn rượu là kể như toi đời. Sau bữa đó, Long bỏ rượu. Vậy cái điều “Không có rượu thì toi đời” quả ứng nghiệm chằm phần chằm.

(Kỷ niệm cùng Nguyễn Thụy Long – Cung Tích Biền)

## Chữ nghĩa thập niên 20

*Giấc điệp* – Trang Châu nằm mơ thấy mình hóa bướm, Nguyễn Du viết trong Kiều “Áy hồn hồ điệp, hay là Trang Chu”, ám chỉ giấc bướm, hồn bướm hay giấc ngủ.

(Phan Mạnh Danh – Văn thất ngữ)

## Màu sắc...cảm tưởng

Khác hai loại trước, loại màu sắc này chứa cảm tưởng của người nhìn về tình trạng bên trong của đối tượng. Trong câu ca dao “Trắng chi, trắng bủng, trắng xanh”, “trắng...” vừa tả màu da vừa là đánh giá tình trạng sức khỏe.

Một số màu cảm tưởng có nghĩa qui ước: trắng bủng (bệnh hoạn), trắng xanh (yếu ớt), hồng hào (khỏe mạnh), đỏ đần (khỏe mạnh), xanh xao (người ốm), xanh lợt (tạng yếu), xanh rớt (ốm nặng), tái mét (lo sợ), tím rím (môi khi đứng lâu ngoài trời rét), trắng tinh (sạch sẽ, tinh khiết, chưa dùng), trắng tàu tàu (cũ), vàng vọt (ánh sáng yếu), vàng lụi (lúa bệnh), đen xỉn (cũ), tím bầm (vết đòn, tức giận) v.v.

Những màu khác không có nội dung nhất định, nên người dùng cần giải thích cụ thể:

Khái Hưng tả nhân vật: “... mặt trắng tái vì tức giận”, Vũ Bằng: “... đôi môi xám ngoét của người nghiện”, Sơn Nam: “... sợ, mặt mày xanh lét”, Vũ Trọng Phụng: “... sợ hãi xanh xám mặt mũi”. Xanh lét có thể chỉ là màu xanh của mắt mèo, xanh xám có thể chỉ là màu đá, hoặc màu da của người “già úa, mặt xanh xám như cơn mưa” (Tô Hoài).

(Thu Tứ – Tìm tòi và suy nghĩ)

## Trau dồi tiếng Việt

Hỏi: Đến tuổi nào lấy vợ lấy chồng hả chú?

Đáp: “Nữ thập tam, nam thập lục”

(báo Văn Nghệ Tiền Phong”

## Tục thờ ông Đùng bà Đà

Tục thờ này được tổ chức tại làng Đông Sát, tỉnh Hưng Yên. Cả hai đều là Thành hoàng của làng này. Câu chuyện ông Đùng, bà Đà được kể lại như sau: hai người vốn là hai chị em ruột. Nhưng cả hai tuổi đã cao mà chưa thành gia thất. Mọi người trong làng cũng muốn giúp đỡ cho cả hai. Cuối cùng cả hai đều cùng nhau hứa rằng: cả hai theo hai chiều ngược nhau đi quanh hòn núi trước làng; bất cứ gặp người nào khác giống thì bắt buộc phải kết hôn. Dân làng đồng ý và sẽ giúp họ toại nguyện. Họ lên đường nhưng lại không gặp một người nào, để rồi sau cùng thì hai chị em gặp nhau. Vì trung thành với lời thề cho nên họ chuẩn bị lấy nhau. Dân làng đồng ý cuộc hôn nhân; nhưng bà Đà thì cho việc làm này là chuyện "loạn luân" cho nên bỏ đi trốn. Hai lần trốn thì cả hai đều được ông Đùng đưa về. Chẳng may hai người gặp thú dữ tấn công và thề sống chết để giải nạn. Việc giải nạn phải nhờ đến một vị thần giả làm một phụ nữ bắt ếch hiện ra đúng lúc để giúp họ.

Câu chuyện chẳng may loan truyền đến kinh đô và nhà vua xuống chiếu bắt cả hai để hành hình. Cả hai đều bị khoét mắt rồi bị sát hại. Hai người chết nhưng hồn rất linh thiêng, thường hiện ra báo mộng cho dân làng; mọi người đều đồng ý lập đền thờ; từ đó dân chúng đến lễ bái và cầu gì được đó nên được tôn làm hai vị Thành hoàng. Hằng năm từ ngày 6 tháng 3 cho đến ngày 10 tháng 3 là lễ tế ông Đùng, bà Đà. Dân chúng làm hai hình nộm để rước quanh làng; cho đến đình làng, thì họ đưa hai hình nộm ra ôm chầm lấy nhau. Tìm cảm được bọc lộ công khai, khác với lệnh của nhà vua ngày trước.

(Hội tết làng Xưa – Khuyết danh)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Theo tự điển tiếng Việt ở Hà Nội (Văn Tân Nguyễn Văn Đạm).

Tàn tạ: là rụng rời, trợ trụ

## Về bài thơ *Nhà tôi* của nhà thơ Yên Thao (1)

\* Bích Huyền (BH): Có bán một CD ngâm thơ tựa đề là *Những bài thơ bất tử*, trong đó diễn ngâm bài thơ *Nhà tôi*. Nhưng rất tiếc lại ghi tên tác giả là Nguyễn Bính!

Yên Thao (\*YT): Tôi không được biết, tôi chỉ biết có một bài hát do Anh Bằng viết dưới tiêu đề "*Chuyện giàn thiên lý*". Ai cũng cho là thơ của tôi phổ nhạc. Vì Anh Bằng đã cải biên, đổi tên bài, không nhắc gì đến tác giả! Tuy nhiên đề nghị chị dịp nào gặp Anh Bằng cho Yên Thao gửi lời hỏi thăm. Chắc Anh Bằng cũng thích bài thơ ấy nên mới viết nên "*Chuyện giàn thiên lý*".

\*BH: Bây giờ thì xin thi sĩ cho biết một chút về..."lý lịch" của mình cũng như về xuất xứ của bài thơ *Nhà Tôi*?

\*YT: Tên cúng cơm của tôi là Nguyễn Bảo Thịnh, sinh ngày 21-1-1927 quê Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Nhà tôi tên Đỗ Thị Phú (chứ không phải là Hà) sinh 17-1-1929, quê Đại Gia, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây.

Năm 1949, tôi công tác văn nghệ tại liên khu 3, theo một đơn vị đánh vào một đồn binh Pháp đồn trú cạnh sông ở một làng đồi. Trong lúc đợi chờ giờ nổ súng, tôi trò chuyện với anh em và được biết ở đơn vị này có một cậu quê ở ngay làng đồi đó. Phía bên ấy đang còn mẹ và vợ. Cậu ta lấy vợ được chừng tháng thì chiến tranh bùng nổ, lên đường đi kháng chiến, chia tay người vợ trẻ. Trong câu chuyện, mấy lần cậu ta nhắc tới giàn thiên lý của nhà mình. Tôi rất thích câu chuyện và viết nên bài thơ "*Nhà Tôi*". Rất nhiều người nghĩ đó là tôi viết về tôi, bà xã tôi cũng nghĩ thế.

## Giao

Giao: một thứ nghi lễ do vua ra giao.

(tế Nam giao)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## 15 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Hôm trước Tết này, tôi ghé thăm. Long đã gầy quá đỗi. Nhà nuôi năm con chó. Chúng đồng ca đón khách vang trời đất. Nhà lại chật chội, mấy con chó dễ thương cứ quanh quẩn dưới chân, quất quít Long. Chùng như chúng linh cảm, đánh được mùi của cuộc từ biệt. Đòi thu lại những tiếng sủa. Âm vang đòi là những chào đón đầy than phiền của những con vật nuôi tình nghĩa. Con người nơi đâu? Con người đã vắng bóng người sau mỗi khung cửa hẹp phận người.

Long yếu hẳn, nói trong cổ họng. Cứ chờ chó bót sủa một chút thì nói. Mà Long lại ham nói. Chùng như mong tâm sự với Biền cho xong. Rồi: "Tớ đi đây."

Một chấp, Long đứng dậy khập khiễng bước đi. Đi tiểu. Nhưng bước không nổi, đành đứng ngay chỗ bậc cửa. Hai cái chân ống sậy, hai cánh tay như que khô run run vịn vào thành cửa. Phệt nước vàng. Trông như một nhánh trúc gầy biết đái.

(Kỷ niệm cùng Nguyễn Thụy Long – Cung Tích Biền)

### Chữ nghĩa làng văn

Đoạn cô Kiều ở lầu Ngưng Bích, nhớ cha mẹ, có câu:  
*Có khi gốc tử đã vừa người ôm.*

Tử là cây tử, nôm na là cây thị. Cây kiêu cao mà ngửa lên, tượng trưng cho người cha. Cây tử thấp mà tàng cúi xuống, tượng trưng cho người con. Hai cây này tượng trưng cho tình cha con.

(Hoàng Long Hải – Cây trong văn chương)

### Về bài thơ *Nhà tôi* của nhà thơ Yên Thao (2)

\*BH : BH xin cảm ơn thi sĩ cũng như cảm ơn những người chủ trương Giai Phẩm Mùa Thu Hà Nội. BH đã chép bài thơ Nhà Tôi trong tờ Giai phẩm này, phát hành năm 1964 tại Saigon. Hình như thế, năm đó...nếu BH nhớ không lầm!

\*YT: Không biết có phải từ tập san đó hay sau này sao chép qua lại nên sau 1975, tôi có được đọc bài thơ Nhà Tôi, người ta có in sai nhiều từ, chị Huyền ạ !

\*BH: Thế nhưng chắc thi sĩ cũng thông cảm, vì đây chỉ là một bài thơ được truyền miệng, được ghi nhớ trong trí tưởng...cho nên sự sai lạc hẳn là phải có, những từ ngữ dùng sai đó là những chữ nào ạ?

\*YT: Trong đoạn đầu có câu: "Màu trắng vôi lốm lốm mấy khung tường". *Màu trắng* chứ không phải "Màu trắng". Vâng, đây là màu của ánh trắng trải trên những khung tường. Và từ "*mùa*" trong câu "Má trắng mịn thơm thơm mùa lúa chín". Trong miền Nam có sách in là "mùi lúa chín".

\*BH : Vâng, *màu trắng* và *mùi lúa* có vẻ rõ ràng và cụ thể quá phải không ạ? Thưa thi sĩ, BH còn thấy có nơi dùng sai một chữ nữa trong câu cuối bài thơ "Nhà tôi ở cuối thôn Đoài ..." "Đoài " viết hoa như một danh từ riêng ạ. Đúng ra là "*thôn đò*":

Nhà tôi ở cuối thôn đò

Có giàn thiên lý có người tôi thương ...

\*YT: Xin chị BH nếu có dịp một lần nữa phổ biến bài thơ *Nhà tôi* trên đài, hoặc trên báo chí, lưu ý hộ tôi những từ sai ấy.

### Bản Kinh, bản Phường

Truyện Kiều bằng chữ Nôm cho đến nay có nhiều ấn bản, nhưng tựu chung căn cứ vào bản Kinh và bản Phường.

Bản Kinh do đích thân vua Tự Đức sửa chữa. Bản Thường do Phạm Quý Thích khắc mộc bản nhưng không nhiều. Vì ngành in xưa kia còn thô sơ và tốn kém nên chỉ dành cho khoa cử hay triều đình như sử ký, địa chí nên truyện Kiều còn lại là chép tay.

Vì bản chính của Nguyễn Du nay đã thất lạc nên bản in Phạm Quý Thích được coi như là chính xác vì ông giữ nguyên bản, không sửa chữa như vua Tự Đức.

(Trần Bích San – Văn Khảo)

### Cù lao phớ

Cù lao *phớ* là tên cũ của đất Đông *Phố*, Gia Định. Vì vùng này có nhiều...cù lao.

*Phớ* nguồn từ Hội An (Faifo). *Phớ* là tiếng Nhật, là hướng đông.

### Chữ “đều”

Theo "Tự điển tiếng Việt" do Hanội phát hành, từ "đều" được định nghĩa và có những từ kép như sau:

Đều (tt) : xỏ xiên, đối trá (đồ đều, chơi đều, nói đều).

Đều cẳng (tt) : đều, đê tiện (bộ mặt đều cẳng).

Đều giả (tt) : thâm hiểm; thủ đoạn đều giả. (Chữ "giả" theo định nghĩa cũng trong tự điển này là "Không thật nhưng làm ra vẻ như thật", khi ghép với chữ "đều" lại có nghĩa là thâm hiểm).

Xét về từ nguyên của chữ "đều" chưa thấy có tự điển nào nêu ra ngoài các định nghĩa thông thường. Có thể phỏng đoán rằng tiếng Hoa nói lóng dương vật của đàn ông là con chim, tức là "điều".

Người Việt ta đọc trại thành "đều" (?)

(Lê Văn Ngọc – Văn hóa “đều”)

### Tuổi 50

Ngô niên, thê niên ngũ thập ngũ

Ngô tử mãi mộc tương vi quan

(Nguyễn Khuyến)

(Tuổi ta, tuổi vợ đều năm mươi năm

Con ta mua gỗ định làm áo quan)

### Đá

Chữ Nôm là chữ của người nước Nam *pha trộn* với một số các từ Hán Việt (chữ Tàu phát âm theo kiểu Việt Nam). Lối viết của chữ Nôm dựa hoàn toàn vào chữ Hán và lại phức tạp gấp mấy lần. Thông thường một từ chữ Nôm là sản phẩm của hoặc một sự chắp nối ít nhất 2 từ của tiếng Hán, hoặc một sự vay mượn nguyên con một từ tiếng Hán nhưng đọc theo kiểu Nôm.

Thí dụ, “đá” với nghĩa đá bằng chân, đá banh. Chữ Nôm viết “đá” bằng cách kẹp chữ Hán “đá” (nhiều), để lấy âm, với chữ “túc” (nghĩa chân) để gợi ý, đá = đá+túc.

“đá” với nghĩa hòn đá. Chữ Nôm viết “đá” bằng cách nối liền “đá” với “thạch” tiếng Hán, đá = thạch+đá.

(Phan Trọng Hoa – Tự điển chữ Nôm)

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Một ngày ba bạn trèo đèo,  
Vì ai vú xẹp, lưng teo hơi chàng?

### Cải tạo tiếng Việt

Nguyễn Hữu Ngự một mình một chợ đưa ra nhiều thay đổi cách viết trong tiếng Việt như bỏ Y dài thay thế bằng I ngắn, bỏ phụ âm H trong GH, NGH v . v . . . Không ai nghe theo thì ông tự thực hành một mình. Ông bỏ tên Nguyễn Hữu Ngự của cha mẹ đặt để ký biệt hiệu là Nguyễn Ngự Í, Ngê Bá Lí đơn thương độc mã áp dụng lối viết ấy trong các tác phẩm của mình.

Sau 1975 ở hải ngoại cũng có nhiều tác giả đưa ra những cải cách có khi mới, có khi không. Về việc viết I ngắn thay thế Y dài hai nhà biên khảo Lê Hữu Mục và Nguyễn Đình Hòa nêu lại vấn đề này và hỗ trợ nó. Có nhiều người không đồng ý chuyện thay đổi này nhưng có người yểm trợ và người yểm trợ mạnh mẽ nhất là Dương Đức Nhự mà còn đề nghị cả chuyện viết dính liền, bỏ phụ âm H, du nhập chữ cái F, J, W, Z. Ông đề nghị viết *ngẫm nghĩ, nghệnh ngãng, gồ gề* thay cho *ngẫm nghĩ, nghệnh ngãng, gồ ghề*; viết *zề zàng, zu dương* thay cho *đề dàng, du dương*.

Nhà thơ Diên Nghị và Đức Cố hẳn là cũng không tán thành lối cải cách của ông Nhự khi đưa ra thí dụ chép truyện Kiều như sau:

Trăm năm trong cõi người ta  
Cữ tài, cữ mệnh qéw là gét nhaw .  
Trái kwa một kuộc bể zâu  
Những diều trông tháį mà daudón lòng  
Lạ jì bĩsắc tufong,  
Trời xanh kwen thój má hồng đánh gen.  
Kắw thơm lằn jở trước đèn  
Fongtinh kỏlụk kòn trwiền sử xanh . . .

Có thể bị ám ảnh về kiến thức uyên bác của mình, về những điều đã dày công học hỏi và nghiên cứu nên thạc sĩ ngôn ngữ học Dương Đức Nhự thấy cần phải thay đổi một cái gì mà ông cho là mới chắng? Nhưng thực ra những cải cách của giáo sư Nhự tưởng là mới lại không có gì là mới cả. Viết toàn I ngắn thì đã có từ khi Paulus Của viết tên ông là Hùinh Tịnh Của vào cuối thế kỷ thứ 18. Nguyễn Hữu Ngự cũng chỉ làm công việc lặp lại. Còn cộng sản Hà Nội thì quen cách cai trị theo lối độc tài nên đã ra hẳn một pháp lệnh về việc thay đổi I ngắn, Y dài.

(Đặng Trần Huân - Chuyện cải cách tiếng Việt)

### Nói lái

Nói lái là để “chơi chữ”, người nói lái dùng cách hoán chuyển chữ, nguyên âm và đầu những từ người đó muốn nói lái, như:

*Con cá đỏi nằm trên cối đá*

Hoặc giả như:

*Cô nàng dêu hứa đi mua dưa hấu*

(Nguyễn Hữu Phước – Nói lái)

### Gìn

Gìn : giữ

(gìn vàng giữ ngọc cho hay)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

## Bảng hữu kim kỳ phú

Bài phú của Nguyễn Đôn Phục, ông đỗ cử nhân khoa quý Dậu năm thời Tự Đức là một kho ngôn ngữ dân gian gồm những tục ngữ, thành ngữ, phương ngôn của một vùng đất, hàm súc về nhân sinh, tình yêu, tình bè bạn ..v.v.. Nguyễn Đôn Phục xuất thân từ cửa Khổng sân Trình, chọn lọc từ kho tàng văn học dân gian đem sắp xếp hệ thống lại một cách công phu trong bố cục của một bài phú có vần điệu, có đối xứng theo luật bằng trắc vừa kết hợp được tính cổ điển và tính dân gian phóng khoáng từ thời Tự Đức thứ 26 (1873).

*Khôn thì sống, mớng thì chết*, lời kia tục những thường rằng; *Đầu trở xuống, cuống trở lên*, lẽ ấy ai mà chẳng thấu.

Người hiền xem tướng, *rậm mà thì ắt cả lòng*; Đầy tớ kể công, *cao ngày lại thêm dày kén*.  
Đừng lo *mụ vãi trọc đầu*, chớ sợ *con đò khát nước*.

*Vì con heo phải đèo khúc chuối, công phu đã chẳng so đo; liều nắm cải vãi vườn dâu, ngày khắc họa nên cây trái*.

Nghĩ nào *sợ chết thiêu cháy dái*, hơi đâu lo *làm đĩ thủng đồ*.

Thà khi *đầy tớ người khôn*, hơn lúc *quân sư đũa dại*.

*Bụng làm dạ chịu, có gian thì có ngoan; mũi dại lái mang, làm lớn ai cho làm lão*.

Vì muốn cho *bán thịt mua lòng*, để tránh lúc *đau chân há miệng*.

## Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Anh đi em nắm cổ tay,  
Anh về em nắm chỗ này chỗ kia  
Anh đi nhà vắng lặng câm,  
Anh về giường chiếu reo ầm cả lên.

## 16 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Từ Điển Văn Học Bộ Mới, gọi tắt TĐVH, in đẹp giấy tốt, vừa được phát hành đầu năm 2005. Nói là tái bản của Từ Điển cùng tên, ra đời trước đây hai mươi năm, thì vừa đúng vừa không đúng.

Đặc sắc đầu tiên, có thể là quan trọng nhất, là cái nhìn phóng khoáng về chính trị, sau đó là khả năng tiếp nhận những tác gia, khái niệm mới, những nền văn hóa xa xôi hoặc nhỏ bé. Những tác gia trước kia bị loại trừ, nay xuất hiện, như Hoàng Cao Khải, Lê Dư, Phạm Quỳnh, Phan Văn Hùm, v.v.... Trần Trọng Kim được đề cao trong ba trang. Cũng có điểm chưa chính xác : " 1953 ông lại được Bảo Đại mời ra làm Chủ tịch Hội Đồng Quốc gia thân Pháp ở Sài Gòn". Ngược lại, Hội Đồng này do Bảo Đại triệu tập để củng cố lại áp lực của chính quyền Pháp, và đã ra một tuyên cáo theo hướng này. Thật sự, thời điểm này, Trần Trọng Kim không có danh vị gì; ông ngồi nhà vẫn thuốc lá hút vệt và chép miệng " sự đời chả cái đéch gì ra cái đéch gì " ! Nghiệm cũng chí lý.

(Đọc và phê bình sách từ điển văn học – Đặng Tiến)

## Ngựa và dê

- Đệ hỏi quan bác chứ tại sao người ta gọi "con Lan ngựa"...
- Triều đình nhà Nguyễn có trại kỵ binh ở Cửa Thượng Tứ. Kỵ binh gặp những cô gái Huế ở đây vui tính làm sao ấy nên có câu "ngựa Thượng Tứ". Nhưng ấy chỉ là kỳ tích một thời thôi...
- Còn "lão già dê"...
- Chắc là người ta thấy con dê đầu đàn *nhảy ngựa* với cả bầy dê cái chứ gì.
- Tại sao không chỉ cho trai trẻ mà lại là...*lão*.
- Vây chứ bác không thấy con dê nào cũng có chòm râu...dê sao.

- Ừ nhẩy.

## Truyện Kiều bằng chữ quốc ngữ I

Sau này nhiều văn gia dịch và chú thích truyện Kiều bằng chữ quốc ngữ như Trương Vĩnh Ký, Nguyễn Văn Vĩnh, Tấn Đà. Tuy nhiên với Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim được xem là chính xác nhất.

Không phải chỉ dịch từ bản Phurong mà vì những tiếng riêng của vùng Hà Tĩnh, vốn quê hương của Nguyễn Du đã được dịch đúng âm của vùng này. Thí dụ như bản dịch của Tấn Đà:

*Thoi vàng bó rắc, gio tiền giấy bay*

Bản dịch của Nguyễn Văn Vĩnh:

*Thoi vàng hồ rắc, tro tiền giấy bay*

Bản dịch của Trần Trọng Kim:

*Thoi vàng vớ rắc, tro tiền giấy bay*

Dân Nghệ Tĩnh gọi vàng hồ là vàng vớ. Như vậy "*vàng vớ*" đúng với nguyên bản của Tiên Điền.

(Trần Bích San – Văn Khảo)

## Câu đối chiết tự

Chiết: bẻ gãy, phân tách. Tự: chữ.

Là những câu do sự tách *chữ Hán* hoặc *chữ Nôm* ra từng nét hoặc từng phần mà đặt thành câu.

*Tự là chữ, cát giăng đầu, chữ tử là con, con ai con nấy?*

*Vu là chưng, bỏ ngang lưng, chữ đình là đũa, đũa nào đũa này?*

(Trích từ Văn Hóa Việt)

## 17 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Một ví dụ khác đánh dấu cõi mở, là đề mục Vũ Hoàng Chương. Từ Điển Văn Học Bộ Mới đã xóa bỏ câu này:

"Tập thơ Hoa Đăng... phụ họa với bộ máy tâm lý chiến của Mỹ Ngụy. Từ chỗ sa đọa trong sinh hoạt, suy đồi trong nghệ thuật, Vũ Hoàng Chương rút cuộc đã sa đọa cả trong chính trị", cũng tập thơ ấy, ngày nay được cũng người viết ấy xem như là "những bài bốc đồng, thiếu chín chắn về mặt chính trị của một người thực chất chỉ biết say, mộng và tràn ngập một trời sầu" và soạn giả còn viết nhiều đoạn đề cao Vũ Hoàng Chương " tài hoa, sang trọng... đã diễn tả thật thấm thía, nhức nhối tình cảnh và tâm trạng bơ vơ, lạc loài của những cái tôi không tìm thấy chỗ đứng và hướng đi...", soạn giả lại tìm được và trích một đoạn thơ dài ca ngợi cách mạng Tháng Tám, chói lói sao vàng hoa vĩ đại... Vũ Hoàng Chương thừa hưởng được một trang dài ngang phần với... Vũ Hạnh trấn ngay bên cạnh. Để đáp lại thịnh tình, tôi xin mách : Vũ Hoàng Chương không sinh năm 1916 như đã ghi theo lý lịch, mà sinh nhằm ngày 1 tháng tư năm Ất Mão, tức là 15 tháng 5 năm 1915. Năm 1969 ông có làm bài thơ đùa, mừng mình lên 55 tuổi (ta), vượt Khổng Minh một niên !

Nhân nhắc đến Vũ Hạnh, xin mạn phép nhận xét : soạn giả danh mục này quá ư chăm chú cho thành tích cách mạng của đương sự, nên không còn mấy quan tâm đến sự nghiệp văn học, không biết gì đến những tác phẩm có lẽ là khá nhất của Vũ Hạnh, là các tập truyện Chát Ngọc(1964), Mùa Xuân trên đỉnh Non Cao (1964), và Bút Máu(1971).

(Đọc và phê bình sách từ điển văn học – Đặng Tiến)

## Giòn

Giòn : đẹp, tươi tắn

(người giòn: người đẹp)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### Tục bắt chạch

Tục lệ này được tổ chức tại làng Văn Trưng, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên. Mỗi năm, vào ngày mồng 6 tháng giêng âm lịch thì lễ hội được tổ chức, sau khi cúng tế xong. Những người tham dự cuộc bắt chạch là những đôi trai gái thân thiết nhau từ trước, mượn dịp này để có thể phô bày những cử chỉ phóng túng đến suồng sã cả hai bên. Trạch là loại lươn mình trơn láng, thân dài và khó bắt. Đã vậy, miệng chum đựng chạch lại nhỏ, khít cổ tay, nên vận động khó khăn. Cứ mỗi đôi trai gái, một tay thì thay phiên nhau khoảng vào chum; tay kia thì ôm lưng người con trai và ngược lại. Những cậu trai thường nhân dịp này thuận tay bóp nhũ hoa những cô gái một cách tự nhiên và không bị kháng cự lại. Trong khi đó thì dân trong làng, thậm chí cha mẹ họ cũng cổ vũ, khuyến khích chuyện tự do luyện ái này.



Bắt chạch đu đôi

Nhìn chung lại, tín ngưỡng phồn thực mang những nét chính yếu như sau: (a) Những đôi trai gái mượn dịp này để tình tự, sờ soạng vào nhau mà không bị một lễ nghi nào ràng buộc. (b) Dân chúng thường khoác lên những trò chơi ý nghĩa tín ngưỡng. Theo họ, nếu bãi bỏ những trò này, dân làng sẽ mang họa trong năm tới. (c) Bất chấp những chỉ trích, chê bai, dân trong làng vẫn xem đó là những yếu tố tinh thần và tín ngưỡng bắt buộc. Đây cũng là một trong những hình thức chống đối lại lễ nghi Nho giáo cũ.

(Hội tết làng Xưa – Khuyết danh)

### Tiếng nói xưa và nay

- Tuổi *tác*: “tác” là tiếng Hán cổ, cũng có nghĩa là tuổi.

### Giai thoại làng văn

Thấy tôi, Huy Cận khoe vừa dịch bài thơ tình của Arvers (Sonnet d'Arvers): “*Mon âme a son secret, ma vie a son mystère*”. Bài này đã có một bản dịch rất được truyền tụng của Khái Hưng “*Lòng ta chôn một khối tình, Tình trong giấy lát mà thành thiên thâu...*”.

Huy Cận đã đọc cho tôi nghe bản dịch của anh và lấy làm đắc ý:

“*Tôi dịch sát nghĩa hơn bản dịch của Khái Hưng chứ!*”

Xuân Diệu mắng luôn: “*Dịch sát nghĩa mà là hay à?*”.

Xuân Diệu rót nước ra cốc mời tôi uống. Huy Cận hỏi: “*Nước mơ hả?*”. Lại bị Xuân Diệu mắng: “*Mơ mơ cái gì, làm gì có mơ!*”.

Thấy Huy Cận cứ nói chuyện với tôi, Xuân Diệu lại mắng nữa: “*Anh Mạnh anh ấy đến chơi với tôi chứ, sao cứ nói mãi thế!*”.



Tôi rất lấy làm lạ: Sao Xuân Diệu cứ mắng Huy Cận như mắng con nít mà toàn chuyện chẳng đáng gì cả! Một lát, Quang Huy đến. Huy Cận ra làm việc với Quang Huy ở phòng ngoài. Xuân Diệu giải thích với tôi: *"Đạo này làm được mấy bài thơ, cứ hoảng lên. Mình phải mắng cho cụt hứng đi, đỡ chủ quan. Cứ tưởng bỏ!"*

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

### Truyện chóp: Truyện văn chương

Đêm, đang ngủ, hần chợt nghe ai đó đọc thoảng qua tai một bài thơ tuyệt hay. Hần vội vã bật ngọn đèn ngủ, vớ tay lấy xấp giấy và cây bút, chép ngay bài thơ ấy. Hần tắt đèn, ngủ lại. Sáng dậy, nhìn lại trang giấy, hần giật mình thấy chỉ có một bãi nước bọt.

### Thành ngữ ta và Tàu

Trai cò mổ nhau, ngư ông đắc lợi

(Bạng duật tương trì ngư ông đắc lợi tiếu)

### Giai thoại làng văn

Hoàng Ngọc Hiến thường có những nhận xét rất gọn và rất ác về người này người khác. Có lần tôi nhận xét, các danh nhân thế giới thường là người ở các tỉnh nhỏ, nhưng về thủ đô thì thành danh nhân. Danh nhân người gốc ở Thủ đô rất ít. Như Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Quang Trung, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Hồ Chí Minh... Vì sao Hồ Chí Minh chết đúng vào ngày *Tuyên ngôn độc lập* 2.9? Hiến giải thích :

*"Vì ông cố tình chết vào ngày ấy. Ông Hồ là đáo để lằm. Chỉ cần dứt dứt các giây dợ ở ống thở ôxy là chết chứ gì".*

(Hồi ký Nguyễn Đăng Mạnh)

### Giờn giác

Giờn giác : giờn giác

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

### Chữ nghĩa làng văn

Nhu cầu sáng tạo ra những từ ngữ mới táo bạo là của nhà văn là ngôn từ và việc nhà văn nào cũng khát khao. Từ xưa đến nay đều như vậy. Nhưng táo bạo nhất thì phải kể đến bà chúa thơ Nôm:

*"Bày đặt kia ai khéo khéo phòm  
Nứt ra một lỗ hòm hòm hom"*

Giữa cái cảnh ao tù nước đọng ngày ấy, một từ như từ "phòm" ném ra ở đây thì đúng là một quả bom - như cách nói bây giờ đó còn là một quả bom sex nữa kia.

Đây là một từ thuần Việt trước Hồ Xuân Hương chưa ai dùng và sau bà cũng chẳng ai dám dùng. Vì nó độc quá, tức là nó đúng quá, nó theo nguyên tắc dùng cấu trúc phát âm để tượng hình, nó được dùng đúng chỗ và rất đắt.

Nổi bật ở đây là từ "nứt" và đặc biệt là cụm từ "hòm hòm hom", một nhóm từ độc đáo và tài tình, như nét mực bổ sung tô đậm thêm cho lý do tồn tại của từ "phòm".

Hãy thử hình dung, nếu không có cụm từ hỗ trợ ấy thì từ "phòm" sẽ chân không bén đất, cật không bén giới, lơ lửng thế chưa chừng đổ cũng nên! Có lẽ chính vì thế mà mặc dù xưa nay thiên hạ đều bái phục cái cách dùng từ tài tình hy hữu này, nhưng từ sau lần ra mắt đó đến nay, chưa một ai dám dùng lại nó, vì nếu không thì phải dùng luôn cả cụm từ hỗ trợ sau đó,

mà như thế thì bất tiện quá, thành ra..."đạo văn" rồi còn gì.

(Anh Ngọc – Tản mạn về từ mới)

### **Dê đực, dê cái**

Người ta chỉ nuôi dê cái, còn dê đực cả bày chỉ nuôi một con thối. Nếu có anh chàng dê con ra đời, một sớm một chiều sẽ bị ngả thịt vì không muốn...loạn bày.

(Phụ chú: Sao gọi đàn ông 35? Vì đánh số đề con dê mang số 35)

### **Phùng Quán**

Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam đã xuất bản "Nhà văn Việt Nam hiện đại", dày 1200 trang khổ lớn, tập hợp chân dung trên một ngàn nhà văn các thế hệ, từ các cụ Ngô Tất Tố, Phan Khôi... cho đến lớp nhà văn vừa được kết nạp như Nguyễn Danh Lam, Phan Huyền Thư...

Tuy vậy, ở một số tác giả có quá trình "phức tạp" (như Hữu Loan, Phùng Quán, Trần Dần, Lê Đạt...) bạn đọc không thể thỏa mãn với cách lược ghi bạn đọc không thể thỏa mãn với cách lược ghi, đại thể như với Phùng Quán, "quá trình học tập, công tác, sáng tác" chỉ vền vện một dòng: "*Tham gia quân đội trong thời kỳ chống Pháp, sau chuyển sang làm công tác văn hoá*". Đã đành, đây là một sự chọn lựa khó khăn của Ban biên tập, nhưng vụ "Nhân văn" đã qua nửa thế kỷ (thời gian cho phép "giải mật" nhiều loại hồ sơ...), một số tác giả lại vừa được tặng "Giải thưởng Nhà nước", thiết nghĩ Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam không nên tránh né một sự thật mà thiên hạ đều đã biết.

(Nguyễn Khắc Phê - Nhà văn hiện đại)